



BỘ 40 ĐỀ THI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

ĐỀ SỐ 1

KIỂM TRA CUỐI KÌ I

NĂM HỌC: 2020 - 2021

PHÒNG GD&ĐT TRẢNG BÀNG

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian làm bài: 90 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: (4 điểm)

Đọc hai câu thơ sau:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

Câu 1: (1 điểm)

Cho biết hai câu thơ trên được trích từ bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: (1 điểm)

Chép thêm hai câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?

Câu 3: (2 điểm)

Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ trên?

II. PHẦN LÀM VĂN: (6 điểm)

Nhân ngày 20-11, kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy, cô giáo cũ.



ĐỀ SỐ 2

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGŨ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi

Câu 1. Truyền kì mạn lục có nghĩa là gì?

- A. Ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền.
- B. Ghi chép tản mạn những điều có thật xảy ra trong xã hội phong kiến.
- C. Ghi chép tản mạn những câu chuyện lịch sử của nước ta từ xưa đến nay.
- D. Ghi chép tản mạn cuộc đời của những nhân vật kì lạ từ trước đến nay.

Câu 2. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ **Đoàn thuyền đánh cá** (Huy Cận) là gì?

- A. Cảm hứng về lao động.
- B. Cảm hứng về thiên nhiên.
- C. Cảm hứng về chiến tranh.
- D. Cảm hứng về thiên nhiên, lao động.

Câu 3. Trong giao tiếp, nói lạc đề là vi phạm phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng.
- B. Phương châm về chất.
- C. Phương châm quan hệ.
- D. Phương châm cách thức.

Câu 4. Câu in đậm trong đoạn văn sau được xếp vào hình thức ngôn ngữ nào?

“Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

- **Hà, nắng gắt, về nào...**” (Làng- Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một, NXBGD)

- A. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.
- B. Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật.
- C. Ngôn ngữ trần thuật của tác giả.
- D. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật.



II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

- a) Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?
- b) Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên.
- c) Từ nội dung của bài thơ trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 12 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân về truyền thống “uống nước nhớ nguồn”.

Câu 6 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân.

.....HẾT.....

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh:SBD.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm): Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	D	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm).

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 5	a)	



	- Đoạn thơ trên thuộc văn bản “Ánh trăng”. - Tác giả là Nguyễn Duy.	0.5 0,5
	b) Các từ láy trong đoạn thơ: vành vạnh, phẳng phắc.	0.5
	c) - Về hình thức: Học sinh biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội có độ dài từ 10-12 câu, có liên kết, mạch lạc. - Về nội dung: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau: + Uống nước nhớ nguồn là: khi được hưởng thụ thành quả về vật chất và tinh thần, cần biết ơn những người đã tạo ra những thành quả đó. + Những biểu hiện của truyền thống “uống nước nhớ nguồn” trong cuộc sống: xây dựng các đền, miếu, chùa chiền phụng thờ, tôn vinh các bậc anh hùng có công với nước; thờ tổ tiên; phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với những thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng và những gia đình có công với cách mạng...(d/c) + Liên hệ bản thân: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội.	1.5
Câu 6	- Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, biết cách làm bài văn cảm nhận về nhân vật văn học; bố cục 3 phần rõ ràng; văn viết có hình ảnh, giàu cảm xúc, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu; - Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:	
	A. Mở bài: - Giới thiệu tác giả Kim Lân, truyện ngắn Làng. - Giới thiệu khái quát nhân vật ông Hai.	0.5
	B. Thân bài 1. Khái quát: - Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của người nông dân thời đại cách mạng : tình yêu làng xóm, quê	0.5



	<p>huong đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.</p> <p>- Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở nhân vật ông Hai.</p>	
	<p>2. Cảm nhận về nhân vật ông Hai:</p> <p>* Hoàn cảnh của ông Hai: rất yêu làng, tự hào, hay khoe về làng nhưng lại phải xa làng để đi tản cư.</p> <p>* Tình yêu làng của ông Hai bị đặt vào một tình huống gay gắt, đầy thử thách: tin làng Chợ Dầu theo giặc, phản bội lại cách mạng, kháng chiến:</p> <p>- Khi mới nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc: ông bàng hoàng, sững sờ, không tin (dẫn chứng).</p> <p>- Khi tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông xấu hổ, tủi nhục, cứ cúi gằm mà đi.</p> <p>- Những ngày ở nhà:</p> <p>+ Ông đau đớn, tủi thân, bán tín bán nghi (dẫn chứng). Ông lo sợ vì tuyệt đường sinh sống, thương thân mình và dân làng Chợ Dầu phải mang tiếng là dân làng Việt gian (dẫn chứng).</p> <p>+ Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng ông vô cùng bế tắc. Ông chớm nghĩ quay về làng nhưng lập tức ông phản đối ngay. Tình yêu làng của ông Hai gắn liền với tình yêu đất nước, kháng chiến.</p> <p>+ Trong những ngày buồn khổ ấy, ông chỉ biết tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến (dẫn chứng). Điều đó thể hiện tình cảm, lòng trung thành của ông với cách mạng, với kháng chiến, với Cụ Hồ.</p>	<p>1,0</p>
	<p>- Khi tin dữ được cải chính: , ông Hai tốt cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu (dẫn chứng).</p> <p>3. Đánh giá về nghệ thuật:</p> <p>- Tình huống truyện đặc sắc giúp nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.</p>	<p>2,0</p> <p>0.5</p>



	<ul style="list-style-type: none">- Nhà văn đã thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau: lúc trực tiếp bằng bút pháp độc thoại, độc thoại nội tâm, lúc gián tiếp qua nét mặt, giọng nói.- Ngôn ngữ nhân vật mang đậm chất khẩu ngữ, sinh động, giàu giá trị biểu cảm.	
	C. Kết bài: Bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, nhà văn đã khắc họa thành công tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến, một lòng thủy chung với cách mạng của ông Hai.	0.5

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kỹ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại; cho điểm từ 0 – 10. Điểm lẻ làm tròn tính đến 0.5.





ĐỀ SỐ 3

ĐỀ 3	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

Câu 1: (2 điểm) Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm **Truyện Kiều** của Nguyễn Du.

Câu 2: (2 điểm) Trong hai truyện ngắn đã học: **Làng** của Kim Lân, **Chiếc lược ngà** của Nguyễn Quang Sáng đều có những tình huống bất ngờ đặc sắc. Đó là những tình huống nào?

Câu 3: (1 điểm) Các câu sau mắc lỗi gì? Hãy sửa lại

- Về khuya, đường phố rất im lặng.
- Những hoạt động từ thiện của ông khiến chúng tôi rất cảm xúc.

Câu 4(5 điểm)

- Viết bài văn kể lại buổi sinh hoạt lớp . Trong buổi sinh hoạt đó , em đã phát biểu kiến đề chứng minh Nam là người bạn rất tốt.

ĐÁP ÁN

Câu 1 (2 điểm)

Về nội dung: (1 điểm)

- Bức tranh hiện thực về Xã hội Phong kiến bất công, tàn bạo, chà đạp lên quyền sống của con người
- Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa trong Xã hội Phong kiến
- Lên án chế độ Phong kiến vô nhân đạo
- Cảm thương trước số phận bi thảm của con người.

Khẳng định đề cao tài năng, nhân phẩm, ước mơ, khát vọng chân chính

Về nghệ thuật: (1 điểm)

- Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.
- Với Truyện Kiều ngôn ngữ, ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ.
- Với Truyện Kiều nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người

Câu 2 (2 điểm)

Chỉ đúng hai tình huống trong từng truyện

- Làng: Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu làm việt gian theo Pháp (1 điểm)
- Chiếc lược ngà: Anh Sáu về thăm nhà, bé Thu nhất định không nhận ba, đến lúc nhận ba thì đã tới lúc chia tay (1 điểm)

Câu 3 (1 điểm)



- a. Dùng sai từ “im lặng” vì từ này để nói về con người hoặc cảnh tượng của con người. Thay bằng: Yên tĩnh, vắng lặng **(0,5 điểm)**
- b. Dùng sai từ “ cảm xúc” vì từ này thường được dùng như danh từ, có nghĩa là sự rung động trong lòng khi tiếp xúc với sự việc gì. Nên dùng từ cảm phục, xúc động **(0,5 điểm)**

Câu 4 (5 điểm)**a. Yêu cầu về hình thức**

- + Bài có đầy đủ ba phần : Mở bài - Thân bài - Kết bài
- + Học sinh hiểu vấn đề, có định hướng giải quyết đúng đắn ; bố cục chặt chẽ, lý lẽ và phân tích dẫn chứng sát hợp, tình cảm chân thành.
- + Văn trôi chảy, hạn chế các lỗi diễn đạt, chữ rõ, bài sạch.

b. Yêu cầu về nội dung

- Kết hợp tốt các yếu tố: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.
- Sau đây là các ý cơ bản :

Mở bài (1 điểm)

Giới thiệu chung về tiết học

Tiết ...ngày thứ 7 tuần...tại phòng học ,lớp 9..đã tổ chức buổi sinh hoạt

Thân bài (3 điểm)

- Bạn lớp trưởng chủ trì cuộc họp **(0,5 điểm)**
- Buổi họp bình xét hạnh kiểm trong tuần ý kiến của tổ phê bình Nam Vì một vài lí do nhỏ nào đó mà Nam mới vi phạm. Không khí buổi sinh hoạt thật sôi nổi có nhiều ý kiến phát biểu **(0,75 điểm)**
- Em đưa ra ý kiến thuyết phục và khẳng định Nam là người bạn tốt. **(2 điểm)**
- + Nam ít nói , chăm chỉ học tập , Nam học rất giỏi
- + Nam thường giảng bài giúp đỡ các bạn học yếu vươn lên
- + Nam từng mách cô giáo về việc các bạn tự ý bỏ học đi chơi bóng đá , đi tắm bể bơi
- + Một số bạn trong lớp hiểu lầm cho là Nam mách lẻo để nịnh hót .Tôi thiết nghĩ Nam nói với cô giáo là việc lên làm vì có như vậy Nam mới giúp các bạn nhận ra khuyết điểm để sửa chữa tiến bộ

Kết bài (1 điểm)

- Khẳng định tình bạn trong sáng phải luôn giúp đỡ.

c. Hướng dẫn chấm điểm

- **Điểm 5:** Bài làm đáp ứng đầy đủ nội dung yêu cầu, bố cục rõ ràng, diễn đạt suôn sẻ, mạch lạc, sự việc đầy đủ, hợp lí, sắp xếp phù hợp. Biết cách vận dụng các yếu tố , miêu tả và nghị luận với miêu tả nội tâm vào bài tự sự một cách linh hoạt.Trình bày sạch đẹp.

- **Điểm 4:** Bài làm cơ bản đáp ứng 2/3 các yêu cầu trên. Nhưng đảm bảo được các sự việc của phần thân bài, trình bày rõ ràng, có cảm xúc. Có vận dụng yếu tố biểu cảm, miêu tả vào bài.

- **Điểm 2-3:** Bài viết đáp ứng 1/2 nội dung yêu cầu. Mắc một số lỗi diễn đạt.

- **Điểm 1:** Bài viết sơ sài, chưa nắm được rõ cách làm,



- Điểm 0: Bài bỏ giấy trắng.

ĐỀ SỐ 4

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

Phần trắc nghiệm: (2 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đầu mỗi câu trả lời đúng nhất.

Câu 1:

Văn bản "Con chó Bắc" trích "Tiếng gọi nơi hoang dã" thuộc thể loại:

- A. Tùy bút.
- B. Kịch.
- C. Tiểu thuyết.
- D. Truyện ngắn.

Câu 2:

Bài thơ "Viếng lăng Bác" được viết vào năm:

- A. 1974
- B. 1975
- C. 1976
- D. 1977

Câu 3:

Dòng thơ nào sau đây **không** mang hàm ý?

- A. Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.
- B. Chỉ cần trong xe có một trái tim.
- C. Đêm nay rừng hoang sương muối.
- D. Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương.

Câu 4:

Trong đoạn văn dưới đây, tác giả đã dùng các phép liên kết nào để liên kết câu, liên kết đoạn văn?

"Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu" (Lão Hạc – Nam Cao)

- A. Phép lặp, phép nối.
- B. Phép thế, phép nối.
- C. Phép lặp, phép liên tưởng.
- D. Phép lặp, phép thế.

Câu 5:

Câu: "Con đường đi qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đầu đó, xa!" (trích Những ngôi sao xa xôi) được dùng với mục đích gì?

- A. Bày tỏ ý nghi vấn.
- B. Trình bày một sự việc.
- C. Bộc lộ cảm xúc.
- D. Thể hiện sự cầu khiến.

Câu 6:



Văn bản "Những ngôi sao xa xôi" là sáng tác của :

- A. Nguyễn Đình Thi
- B. Nguyễn Minh Châu
- C. Lê Minh Khuê
- D. Kim Lân

Câu 7:

Bài thơ " Nói với con" được nhà thơ Y Phương sáng tác theo thể thơ :

- A. Bảy chữ.
- B. Tám chữ.
- C. Tự do
- D. Lục bát.

Câu 8.

Trong câu văn: "Về các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ, chúng ta có thể tin ở tiếng ta, không sợ nó thiếu giàu và đẹp." (Phạm Văn Đồng), đâu là thành phần khởi ngữ?

- A. các thể văn trong lĩnh vực văn nghệ,
- B. chúng ta
- C. có thể tin ở tiếng ta,
- D. không sợ nó thiếu giàu và đẹp.

Phần II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Cho đoạn văn sau :

“ Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt – Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhạt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã hết mùa, hoa đã vãn trên cành, nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.”

(*Bến quê* – Nguyễn Minh Châu)

- a. Xác định thành phần chính, thành phần phụ của câu in đậm.
- b. Chỉ rõ các thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn văn.

Câu 3 (6 điểm):

Cảm nhận của em về bài thơ "Sang thu" của nhà thơ Hữu Thỉnh.

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung									Điểm																		
Phần trắc nghiệm:(2 đ)																												
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Câu</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> <th>7</th> <th>8</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đáp án</td> <td>A</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>D</td> <td>B</td> <td>C</td> <td>C</td> <td>A</td> </tr> </tbody> </table>									Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	Đáp án	A	B	C	D	B	C	C	A	Mỗi ý làm đúng được 0,25đ
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8																				
Đáp án	A	B	C	D	B	C	C	A																				
Phần tự luận: 8đ																												
Câu 1:	<p>Cho đoạn văn sau :</p> <p><i>“ Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt – Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhạt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã hết mùa, hoa đã vãn trên cành, nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên</i></p>																											



<p>(2 điểm)</p>	<p><i>đậm sắc hơn."</i></p> <p style="text-align: right;"><i>(Bền quê – Nguyễn Minh Châu)</i></p> <p>a. Xác định thành phần chính, thành phần phụ của câu in đậm.</p> <p>b. Chỉ rõ các thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn văn.</p> <p>a. - Thành phần chính + Chủ ngữ: <i>những bông hoa bằng lăng</i> + Vị ngữ: <i>đã thưa thớt</i> - Thành phần phụ: + Trạng ngữ: <i>ngoài cửa sổ bấy giờ</i></p> <p>b. Các thành phần biệt lập: + Phụ chú: <i>Cái giống hoa ngay khi mới nở màu sắc đã nhạt nhạt.</i> + Tình thái: <i>Hắn có lẽ</i></p>	<p>1 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
<p>Câu 2: (6 điểm)</p>	<p style="text-align: center;"><i>Cảm nhận của em về bài thơ "Sang thu" của nhà thơ Hữu Thỉnh.</i></p> <p>a. Mở bài.</p> <p>Giới thiệu được bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh và nêu cảm nhận, ý kiến khái quát .</p> <p>(Bài thơ biểu hiện những cảm xúc tinh tế của nhà thơ khi đất trời chuyển từ mùa hạ sang thu. Chỉ với 3 khổ thơ 5 chữ nhưng những cảm nhận, những hình ảnh và sức gợi của bài thơ lại hết sức mới mẻ).</p> <p>b. Thân bài</p> <p>Học sinh có thể trình bày cảm nhận nghệ thuật và nội dung bài thơ qua ngôn từ, hình ảnh... cụ thể:</p> <p>a. <i>Khổ 1:</i></p> <p>Những cảm nhận tinh tế bất ngờ:</p> <p>- Tác giả cảm nhận mùa thu rất riêng, rất mới, bằng sự rung động tinh tế từ các giác quan:</p> <p>+ Khứu giác (huang ổi) + Xúc giác (gió se) + Thị giác (sương chùng chình qua ngõ) + Lý trí (hình như thu đã về).</p> <p>- Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng qua các</p>	<p>0,75đ</p> <p>1đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>



	<p>từ “bỗng”, “hình như”.</p> <p>=>Tác giả thực sự yêu mùa thu, yêu làng quê, gắn bó với quê hương mới có cảm nhận tinh tế như vậy.</p> <p>b. Khổ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự vật ở thời điểm giao mùa đã bắt đầu chuyển đổi: + Sông "dềnh dàng" + Chim "bắt đầu vội vã". + Đám mây mùa hạ "vắt nửa mình sang thu". - Hai khổ thơ đầu, các từ ngữ "chùng chình", "dềnh dàng", "vội vã", "vắt nửa mình" dùng phép tu từ nhân hóa vốn là những từ ngữ dùng để chỉ trạng thái, tính chất của người được tác giả dùng để chỉ miêu tả thiên nhiên, vì thế cảnh vật trở nên sống động có hồn. <p>c. Khổ 3:</p> <p>Cảm nhận về thời điểm giao mùa dần đi vào lý trí, cần hiểu với hai tầng nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh tả thực "mưa, nắng, sấm" - Liên tưởng đến một tầng ý nghĩa khác, ý nghĩa về con người và cuộc sống. <p>Tóm lại: Thông qua bài viết rõ ràng, mạch lạc, học sinh thể hiện được: Bài thơ hấp dẫn bởi những từ ngữ gợi cảm, gợi nhiều về cảnh về tình. Nhân hóa làm cho cảnh vật có hồn, gần gũi với cuộc sống. Thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ. - Nêu cảm xúc khái quát. <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cảm nhận đảm bảo đầy đủ về nội dung nghệ thuật của bài thơ. - Lời văn lưu loát, có dẫn chứng cụ thể, biết phân tích, đánh giá, không mắc lỗi diễn đạt mới cho điểm tối đa ở mỗi ý. 	<p>1đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,75đ</p>
--	---	--



vndoc

Thư viện Đề thi - Trắc nghiệm - Tài liệu học tập miễn phí

	<ul style="list-style-type: none">- Nếu mắc từ 5 lỗi diễn đạt dùng từ, đặt câu, sai chính tả trừ 0.25 – 0.5 điểm.- Sai trên 10 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu trừ 1.0 điểm.	
--	--	--



ĐỀ SỐ 5

ĐỀ 5	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi.

Câu 1. Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến của các sự việc trong “Truyện Kiều”?

- A. Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước.
- B. Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạc.
- C. Gia biến và lưu lạc - Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ.
- D. Gặp gỡ và đính ước - Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ.

Câu 2. Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác trong thời kì nào?

- A. Trước Cách mạng tháng 8.
- B. Trong kháng chiến chống Pháp.
- C. Trong kháng chiến chống Mỹ.
- D. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975.

Câu 3. “Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề” định nghĩa cho phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm quan hệ.
- B. Phương châm về chất.
- C. Phương châm về lượng.
- D. Phương châm cách thức.

Câu 4. Tóm tắt văn bản tự sự là:

- A. Kể lại chi tiết các sự việc tiêu biểu.
- B. Kể lại các nhân vật chính.
- C. Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- D. Kể một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật và sự việc chính của văn bản.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Cho đoạn văn:

“Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”



- a) Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?
- b) Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn văn.
- c) Từ đoạn trích trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 10-12 câu) nêu suy nghĩ của em về ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với công việc.

Câu 6 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật ông Sáu dành cho con trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng).

-----HẾT-----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh: SBD:

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	D	B	A	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm
a	- Trích trong văn bản “ Lặng lẽ Sa Pa”	0.25
	- Tác giả: Nguyễn Thành Long.	0.25
b	- Từ láy: Áo ào, lung tung, hùng hực	0.75
c	* Yêu cầu về kĩ năng: học sinh biết viết đoạn văn nghị luận xã hội, diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. Viết đúng hình thức đoạn văn, độ dài từ 10-12 câu.	
	* Yêu cầu về kiến thức: học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần có các ý cơ bản sau:	
	- Ý thức trách nhiệm với công việc là làm việc với thái độ nghiêm túc, nỗ lực hết mình để hoàn thành tốt nhất công việc được giao.	
	- Làm việc với lòng yêu thích, say mê, nhiệt tình, có thể phải vượt cả khó khăn, gian khổ, quyết tâm thực hiện và hoàn thành công việc đó (dẫn chứng - phân tích)	0.75



	- Liên hệ bản thân: ý thức trách nhiệm của em với công việc được giao. (Viết không đúng hình thức đoạn văn cho tối đa 0.5 điểm)	0.5
--	--	-----

Câu 6 (5.0 điểm)

* **Yêu cầu về kĩ năng:** học sinh biết viết bài văn cảm nhận về một vấn đề trong tác phẩm. Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, mạch lạc, dẫn chứng tiêu biểu, cảm xúc chân thực, diễn đạt trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, chính tả, ngữ pháp.

* **Yêu cầu về kiến thức:** học sinh có thể nêu cảm nhận của mình theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở nắm chắc đoạn trích, tuy nhiên bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

Phần	Nội dung	Điểm
A. Mở bài	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu nhân vật ông Sáu và tình cảm của ông với con.	0.5
B. Thân bài	1. Khái quát: - Ông Sáu đi kháng chiến từ lúc con gái chưa đầy tuổi, khi về thăm nhà con đã 8 tuổi, trở trêu thay con không nhận ông là cha. Đến lúc nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thăm thiết thì ông Sáu phải ra đi. - Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con, nhưng chiếc lược chưa đến tay con thì ông Sáu đã hi sinh. - Đặt nhân vật vào tình huống truyện đầy éo le, bất ngờ Nguyễn Quang Sáng diễn tả thật cảm động tình cảm của ông Sáu dành cho con từ lúc về thăm nhà đến khi trở về khu căn cứ.	0.5
	2. Cảm nhận về tình cảm của ông Sáu dành cho con: a. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi về thăm nhà. - Sau những ngày tháng xa cách, đến lúc được về thăm nhà, tình người cha cứ nôn nao trong người ông, xuống chưa cập bến ông đã nhún chân nhảy thót lên, vội vàng bước dài, kêu to “ <i>Thu! Con</i> ” bé Thu ngơ ngác lạ lùng còn ông thì không ghìm nổi xúc động, giọng lắp bắp run run “ <i>Ba đây con</i> ” Nhớ con bao nhiêu ông càng khao khát mong gặp con bấy nhiêu nên khi bé Thu sợ hãi bỏ chạy ông “ <i>đứng sững lại, hai tay buông xuống như bị gãy, nhìn theo con</i> ”...Hụt hẫng, đau đớn và thất vọng. - Trong 3 ngày ở nhà, ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con, mong chờ một tiếng gọi ba của con. Nhưng con bé bướng bỉnh không chịu nhận và gọi ba khiến ông vô cùng đau khổ “ <i>quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười</i> ”. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên ông phải cười vậy thôi. + Trong bữa ăn, ông gấp thức ăn cho con “ <i>miếng trứng cá to vàng để vào</i>	0.5



	<p><i>chén nó” thể hiện tình yêu thương, chăm chút, muốn bù đắp cho con. Nhưng nó đã từ chối sự quan tâm của ông “ lấy đĩa soi vào chén rồi bắt thần hát cái trống ra” khiến ông giận quá, không kịp suy nghĩ đã vung tay đánh con. Điều đó cho thấy ông khao khát mong được con nhận mình đến nhường nào.</i></p> <p>- Chỉ đến lúc chia tay, ông mới được hưởng hạnh phúc làm cha, được nghe tiếng gọi “Ba” của con, rồi “<i>một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt</i>”. Hạnh phúc thật ngắn ngủi, vì nhiệm vụ ông lại phải từ biệt con để lên đường. Tình yêu con của người lính cách mạng thật cảm động, vì tiếng gọi của tổ quốc, họ sẵn sàng gác tình riêng để làm nhiệm vụ.</p>	0.5
	<p><i>b. Tình cảm của ông Sáu dành cho con trong những ngày ở chiến trường.</i></p> <p>- Khi vào chiến trường: thiếu thốn, gian khổ, nguy hiểm vẫn không làm ông nguôi nổi nhớ con. Bao nhiêu tình cảm yêu thương, nhớ nhung, ông dồn vào việc làm cây lược ngà, món quà kỉ niệm cho con (dẫn chứng: tìm ngà voi, cưa từng chiếc răng lược, khắc chữ, đem lược ra ngắm nghía)</p> <p>-> Chiếc lược ngà đối với ông không chỉ là chiếc lược bình thường mà là vật kỉ niệm, chứa đựng bao tình thương và nỗi nhớ của ông đối với con gái yêu. Chiếc lược là niềm an ủi, động viên ông trong những ngày tháng gian khổ. Từ khi cây lược hoàn thành ông càng mong được gặp con.</p> <p>- Khi bị thương nặng: không còn đủ sức trăng trối điều gì, ông đưa tay vào túi móc cây lược đưa cho bạn và nhìn hồi lâu, mọi lời dặn dò, trao gửi đến con đều thể hiện trong ánh mắt cuối cùng ấy. Cái nhìn “<i>không đủ lời lẽ để tả lại</i>” đã nói lên tất cả tình yêu của ông dành cho con. Có thể nói chiếc lược ngà là biểu tượng cho tình cha con, một tình cảm thiêng liêng và bất diệt mà ông Sáu, một chiến sĩ cách mạng kiên trung, đã dành cho con.</p>	0.75
	<p><i>3. Đánh giá:</i></p> <p>- Bằng cốt truyện chặt chẽ, hấp dẫn với nhiều tình huống bất ngờ mà hợp lí, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất đã góp phần thể hiện chân thực mà cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.</p>	0.5
C. Kết bài	<p>- Khẳng định lại vấn đề: Với tình cảm thiêng liêng và sâu nặng mà ông Sáu dành cho con “Chiếc lược ngà” xứng đáng được gọi là “ Bài ca về tình phụ tử”</p> <p>- Qua truyện người đọc thấm thía những mất mát không gì bù đắp được của con người trong chiến tranh và càng trân trọng tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.</p>	0.5



vndoc

Thư viện Đề thi - Trắc nghiệm - Tài liệu học tập miễn phí

- Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kỹ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.
- Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại, điểm lẻ làm tròn đến 0.5.

=====





ĐỀ SỐ 6

ĐỀ 6	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi.

Bố đi chân đất. Bố đi ngang dọc đông tây đâu đâu con không hiểu. Con chỉ thấy ngày nào bố cũng ngâm chân xuống nước, xuống bùn để câu quăng. Bố tất bật đi từ khi ngọn cỏ còn đẫm sương đêm. Khi bố về cũng là lúc ngọn cỏ đã đẫm sương đêm. Cái thùng câu bao lần chà đi, xát lại bằng sắn thuyền, cái ống câu nhẵn mòn, cái cần câu bóng dầu tay cầmCon chỉ biết cái hòm đồ nghề cất tóc sực mùi dầu máy tra tông -đơ, cái xếp ghế bao lần thay vải nó theo bố đi xa lắm .

Bố ơi! Bố chữa làm sao được lạnh lặn đôi bàn chân ấy...đôi bàn chân dầm sương dãi nắng đã thành bệnh...

(Tuổi Thơ im lặng - Duy Khánh)

Câu 1. Đoạn trích trên đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Các từ: *đâu đâu, tất bật, lạnh lặn* thuộc loại từ gì?

Câu 3. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu: *“Bố tất bật đi từ khi ngọn cỏ còn đẫm sương đêm.”* thuộc kiểu câu nào? Vì sao?

Câu 4. Văn bản trên gợi cho em tình cảm gì?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (7.0 điểm):

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, em hãy nêu những việc làm của bản thân để bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng một đoạn văn khoảng 150 đến 200 chữ ?

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long ?

Hướng dẫn chấm:

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
			3.0
	1	Phương thức biểu đạt : Tự sự	0.5
	2	Từ láy	0.5

Độc hiểu	3	Câu trần thuật đơn	0.5
		Vì: Câu chỉ có một kết cấu C - V	0.5
	4	Thể hiện tình yêu và lòng biết ơn với người bố .	1.0
	1	Từ nội dung của phần đọc hiểu, em hãy nêu những việc làm của bản thân để bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng một đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng.	2.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức của đoạn văn</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần trình bày: Những việc làm thể hiện lòng biết ơn.</i>	0.25
		<i>c. Nội dung cần trình bày:</i> <i>HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, dưới đây là một số gợi ý.</i>	0.5
		+ Hiểu và cảm nhận được sự vất vả, tảo tần của người bố trong đoạn trích. + Từ đó bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ bằng những hành động, việc làm cụ thể.	1.0
	2	* Các yêu cầu: a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn : Có đầy đủ MB,TB,KB Xác định đúng vấn đề cần phân tích.	0.5
		b. Cần đảm bảo được các ý cơ bản sau + NỘI DUNG - Giới thiệu tác phẩm “Lặng lẽ Sapa” và nhận xét khái quát về nhân vật anh thanh niên. - Cách xuất hiện, hoàn cảnh sống, công việc, quan niệm, thái độ đối với công việc của anh thanh niên => hoàn cảnh sống đặc biệt, yêu nghề, có quan điểm mới đúng đắn, về công việc	0.5
		- Những phẩm chất tốt đẹp khác: quan tâm yêu thương người khác, hiếu khách, khiêm tốn, chân thành cởi mở; có nếp sống tươi vui giản dị, ham học hỏi..	1.5
		+ NGHỆ THUẬT - Cách đặt tên nhân vật vô danh, cách nhân vật xuất hiện trong tác phẩm, lời văn nhẹ nhàng trau chuốt, đầy chất thơ.	1.0
			1.0



		c. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt d. Liên hệ anh thanh niên tiêu biểu cho con người mới, con người XHCN, sống có lý tưởng cao đẹp.	0.5
Tổng điểm			10.0

Lưu ý chung

1. Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung lớn nhất thiết phải có.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải hợp lý.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ kể chung chung, sắp xếp ý lộn xộn.



ĐỀ SỐ 7

ĐỀ 7	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Đọc kỹ các câu hỏi dưới đây và chọn câu trả lời đúng ghi vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Trước Cách mạng tháng Tám
B. Trong kháng chiến chống Pháp
C. Trong kháng chiến chống Mĩ
D. Sau năm 1975

Câu 2. Bài thơ *Bếp lửa* có sự kết hợp phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm, miêu tả
B. Biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận
C. Biểu cảm, tự sự, miêu tả
D. Biểu cảm, tự sự

Câu 3. Sự lựa chọn dứt khoát của ông Hai trong truyện ngắn Làng "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù" phản ánh điều gì?

- A. Ông quyết định dứt bỏ tình cảm với làng.
B. Ông sẽ không bao giờ quay về làng nữa.
C. Ông đã bị đẩy vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng.
D. Tình yêu nước rộng lớn hơn, bao trùm cả tình cảm làng quê.

Câu 4. Các câu văn sau trích trong *Lặng lẽ Sa Pa* câu nào chứa thuật ngữ?

- A. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to.
B. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe rồi im lặng rất lâu.
C. Mà đã mười một giờ đã đến giờ "ốp" đâu.
D. Tại sao anh ta không tiễn mình ra đến tận xe nhỉ?

Câu 5. Việc vận dụng các phương châm hội thoại trong giao tiếp cần phù hợp điều gì?

- A. Mục đích giao tiếp
B. Nội dung giao tiếp
C. Đối tượng giao tiếp
D. Đặc điểm của tình huống giao tiếp

Câu 6. Đề người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết cần đưa vào bài văn tự sự yếu tố nào?

- A. Nghị luận
B. Miêu tả
C. Biểu cảm
D. Đối thoại, độc thoại

Câu 7. Các ý kiến sau đây nhận xét về bút pháp nghệ thuật trong đoạn trích *Chị em Thủy Kiều*, ý kiến nào đúng?

Ý kiến
a. Tả cảnh thiên nhiên qua bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình
b. Dùng những hình tượng thiên nhiên đẹp để nói về vẻ đẹp của con người
c. Miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình



d. Miêu tả ngoại hình nhân vật để dự báo số phận

II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Trong cảnh ngộ của mình khi ở lầu Ngưng Bích, Kiều đã nhớ về Kim Trọng trước khi nhớ cha mẹ. Trình tự tâm trạng đó có hợp lí không? Vì sao?

(Giải thích không quá 3 câu văn).

Câu 2 (7,0 điểm): Hãy kể về một giấc mơ để lại trong em ấn tượng sâu sắc,(trong bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.)

..... Hết.....

ĐÁP ÁN

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I. Trắc nghiệm		
1	C	0,25
2	B	0,25
3	D	0,25
4	C	0,25
5	D	0,25
6	A	0,25
7	Ý kiến đúng: b, d	0,5
II. Tự luận		
Câu 1 (1,0)	<p>HS bày tỏ quan điểm và có kiến giải phù hợp</p> <p>- Trình tự tâm trạng đó là hợp lí:</p> <p>+ Vàng trắng nơi lầu Ngưng Bích gợi nàng nhớ đến kỉ niệm hẹn ước của hai người, Kiều cảm thấy mình có lỗi với Kim Trọng khi không giữ được lời hẹn ước. Nỗi đau ấy vò xé tâm can nàng.</p> <p>+ Trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh mối tình đầu để cứu gia đình, Kiều đã phần nào đã làm tròn chữ hiếu.</p> <p>→ Miêu tả tâm trạng nhớ thương của Thúy Kiều vượt qua những định kiến của tư tưởng phong kiến thể hiện rõ sự tinh tế trong ngòi bút của Nguyễn Du</p>	1,0
	<p>Hãy kể về một giấc mơ để lại trong em ấn tượng sâu sắc(trong bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.)</p> <p>Yêu cầu chung:</p> <p>Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về kiểu</p>	



<p>Câu 2 (7,0)</p>	<p>bài tự sự có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a. Hình thức: Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</p> <p>- Mức tối đa: Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài giới thiệu nhân vật, sự việc; phần thân bài tổ chức thành các đoạn văn liên kết chặt chẽ, kể chuỗi sự việc theo thứ tự hợp lí, phần kết bài thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu sắc của người kể</p> <p>- Mức chưa tối đa(0,25): Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài song diễn đạt khô khan chưa hấp dẫn</p> <p>b. Nội dung</p> <p>Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về giấc mơ: Giấc mơ đó là gì? Ấn tượng, cảm xúc chung về giấc mơ.</p> <p>Thân bài</p> <p>- Kể chi tiết về giấc mơ:</p> <p>+ Giấc mơ xảy ra bao giờ, trong hoàn cảnh nào? Câu chuyện trong giấc mơ diễn ra thế nào? Em đã đi đâu, làm gì, gặp ai? Đáng nhớ ở chỗ nào? Hình ảnh đối tượng được kể đến trong giấc mơ khi ấy như thế nào (hình dáng, nét mặt, thái độ, cử chỉ, lời nói...). Cảm xúc, tâm trạng của mình khi ấy ? (Mình đã suy nghĩ gì về sự việc, đối tượng...).</p> <p>+ Kết thúc giấc mơ</p> <p>- Các yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận được thể hiện qua cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ như thế nào?</p> <p>Kết bài</p> <p>- Cảm xúc, suy nghĩ về giấc mơ.</p> <p>Mức tối đa (5 - 6) đảm bảo yêu cầu đề bài, đủ các nội dung trên, miêu tả, biểu cảm, nghị luận phù hợp, câu chuyện chân thực xúc động, giàu ý nghĩa.</p> <p>Mức chưa tối đa (3-4) đảm bảo yêu cầu đề bài, đủ nội dung song còn sơ sài, yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc nghị luận chưa rõ.</p> <p>Mức chưa tối đa (1-2) nội dung sơ sài, thiếu ý.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>5,0</p> <p>0,5</p>
	<p>c. Sáng tạo</p> <p>Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ,</p>	<p>0,25</p>



	hình ảnh và các yếu tố miêu tả, biểu cảm...) thể hiện được một số suy nghĩ riêng sâu sắc; văn viết giàu cảm xúc	
	d. Chính tả, ngữ pháp Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
Cộng		10,0





ĐỀ SỐ 8

ĐỀ 8	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. Phần đọc - hiểu: 5 điểm

Câu 1 (2,0 điểm): Nêu các hình thức trau dồi vốn từ? Cho ví dụ minh họa.

Câu 2 (3.0 điểm): Đọc đoạn thơ sau và trả lời yêu cầu ở dưới.

“Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.

Không có kính, ù thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phèo châm điều thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ù thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”.

- Đoạn thơ trên, thuộc bài thơ nào? Của nhà thơ nào?
- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?
- Đoạn thơ thể hiện nội dung gì?

II. Phần tạo lập văn bản: 5 điểm

Câu 3 (5.0 điểm): Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội Cụ Hồ trong tác phẩm “Đồng chí” của tác giả Chính Hữu. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.



ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Phần đọc - hiểu: 5 điểm

Câu 1 (2,0 điểm): Nêu các hình thức trau dồi vốn từ?

- Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ. (0,5 điểm)

- Rèn luyện để nắm thật đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ là việc rất quan trọng để trau dồi vốn từ. (0,5 điểm)

- Học sinh nêu ví dụ minh họa đúng. (1,0 điểm)

Câu 2 (3.0 điểm):

a. Đoạn thơ trên thuộc bài: Bài thơ về tiểu đội xe không kính. (0.5đ)

- Của nhà thơ Phạm Tiến Duật. (0.5đ)

b. Thể thơ: Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ. (0.5đ)

c. Đoạn thơ thể hiện : Hình ảnh những chiếc xe không kính. Bom đạn của chiến tranh ác liệt thời đó đã khiến cho những chiếc xe không chỉ không có kính mà còn trần trụi hơn nữa không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước. (0.75đ)

- Đồng thời cho thấy người chiến sĩ lái xe có thái độ ung dung, lạc quan đã bình thản coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm và gian khổ. (0.75đ)

II. Phần tạo lập văn bản: 5 điểm

Câu 3 (5.0 điểm): Hãy tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội Cụ Hồ trong tác phẩm “*Đồng chí*” của tác giả Chính Hữu. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

A YÊU CẦU CHUNG CẦN ĐẠT

1. Về nội dung:

- Đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu của bài văn tự sự; tưởng tượng và kể lại cuộc gặp gỡ, trò chuyện của mình với những anh bộ đội Cụ Hồ trong bài thơ **Đồng chí** của tác giả Chính Hữu.

- Qua bài thơ về tình đồng chí, hiện lên vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương, đất nước.

2. Về hình thức:

- Viết đúng bài văn tự sự, có yếu tố biểu cảm, miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận; đủ bố cục ba phần; đảm bảo tính hoàn chỉnh;

- Diễn đạt, lập luận chặt chẽ, hợp lý; sắp xếp ý, dẫn chứng hợp lý; làm sáng tỏ vấn đề; chữ viết rõ ràng; đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

I. DÀN Ý

1. Mở bài

- Giới thiệu về hoàn cảnh dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa em và anh bộ đội trong tác phẩm “*Đồng chí*” của tác giả Chính Hữu.



- Suy nghĩ chung của em về anh bộ đội Cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp khi gặp anh bộ đội, nhân vật trong bài thơ: Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp là hình ảnh đẹp, biểu tượng đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

- Giới thiệu giới hạn vấn đề: Bài thơ nằm trong chương trình Ngữ văn lớp 9 tập 1.

2. Thân bài

HS: tưởng tượng cuộc gặp gỡ và trò chuyện với anh bộ đội về các vấn đề sau:

- Anh bộ đội xuất thân từ nông dân; họ yêu quê hương mình tha thiết, nhớ quê hương đến quận lòng khi phải xa quê nhưng họ vẫn sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn.

- Trích dẫn các câu thơ có liên quan trong việc cảm nhận, phân tích các từ ngữ, hình ảnh (các biện pháp nghệ thuật):

+ Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

+ Ruộng nương Lung lay

+ Mặc kệ

+ Giếng nước, gốc đa

- Những người lính cách mạng trải qua nhiều gian lao, thiếu thốn tột cùng, đó là những con sót run người, trang phục mỏng manh giữa mùa đông giá lạnh. Nhưng gian lao thiếu thốn càng làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội, làm sáng lên nụ cười của người lính (*sốt run người, con ón lạnh, áo rách, quần vá, chân không giày, miệng cười buốt giá*); những chi tiết về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của người lính được tác giả miêu tả rất thật, không tô vẽ cường điệu, được chọn lọc nên vừa chân thực vừa có sức gợi cảm cao.

- Tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết: sự cảm thông, chia sẻ, kề vai sát cánh hoàn thành nhiệm vụ.

- Sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội

+ HS: tưởng tượng, cảm nhận về sự gắn kết giữa ba hình ảnh: Khẩu súng, vầng trăng và người lính giữa rừng hoang sương muối;

+ Hình ảnh *đầu súng trăng treo* là hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích giặc của chính tác giả nhưng hình ảnh ấy còn mang ý nghĩa biểu tượng, được gợi ra từ những liên tưởng phong phú hay đó chính là sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.

- Bài học về lẽ sống, niềm tin, tình đồng đội, tình yêu Tổ quốc (Nghị luận)

3. Kết bài

- Kết thúc cuộc gặp gỡ và trò chuyện.

- Tác dụng to lớn của văn học: giúp chúng ta cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp của con người, hiểu sâu sắc ý nghĩa của cuộc sống, thấy rõ hơn trách nhiệm của mỗi người đối với xã hội, đối với cuộc đời.

II. BIỂU ĐIỂM

- Điểm 5



+Viết đúng bài văn tự sự, có yếu tố biểu cảm, miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận; đủ bố cục ba phần; đủ ý, liên kết chặt chẽ, bảo đảm tính hoàn chỉnh.

+ Diễn đạt, lập luận chặt chẽ, hợp lý; sắp xếp ý, dẫn chứng hợp lý, làm rõ và sâu sắc vấn đề; chữ viết rõ ràng, đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp;

- Điểm 3- 4

+ Nội dung đủ ý như dàn bài; trình bày vấn đề tương đối sâu sắc;

+ Đủ bố cục ba phần; lập luận khá chặt chẽ, mạch lạc; còn mắc một số lỗi nhưng không cơ bản; tưởng tượng đôi lúc còn mang tính gò bó lệ thuộc.

- Điểm 2

+ Nội dung đủ ý, kiến thức chính xác nhưng chưa sâu sắc; tưởng tượng còn mang tính gò bó

+ Đủ bố cục ba phần; trình bày, chữ viết chưa thật cẩn thận, còn mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 1- 0

+ Nội dung sơ sài, ý nghèo nàn, nội dung chưa đảm bảo theo yêu cầu của đề; bố cục chưa rõ ràng hoặc thiếu, diễn đạt, lập luận hạn chế, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.

+ Lạc đề, sai lạc cả nội dung và hình thức hoặc không viết gì.

* **Lưu ý:** Đáp án là những gợi ý, định hướng chung: khi chấm giáo viên cần chú ý tôn trọng những sáng tạo riêng của học sinh để cho điểm phù hợp, tránh máy móc, khuôn mẫu.

- Điểm trừ tối đa đối với bài không đảm bảo bố cục bài văn là 1 điểm.

- Điểm trừ tối đa đối với bài mắc nhiều lỗi chính tả là 1 điểm.

- Điểm trừ tối đa đối với bài mắc nhiều lỗi diễn đạt là 1 điểm.

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ 9	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Đặc điểm chủ yếu của *Truyện truyền thuyết* để phân biệt với *Truyện cổ tích* là gì?

- A. Nhân vật là thần thánh hoặc là người.
- B. Nhân vật và hành động của nhân vật không có màu sắc thần thánh.
- C. Gắn liền với các sự kiện và nhân vật lịch sử.
- D. Truyện không có yếu tố hoang đường, kì ảo.

Câu 2. “*Thạch Sanh*” là truyện cổ tích kể về cuộc đời của kiểu nhân vật nào?

- A. Nhân vật là động vật.
- B. Nhân vật thông minh.
- C. Nhân vật người mang lột vật.
- D. Nhân vật dũng sĩ có tài năng.

Câu 3. Thể loại của văn bản “*Éch ngồi đáy giếng*” là?

- A. Truyền thuyết.
- B. Truyện cổ tích.
- C. Truyện ngụ ngôn.
- D. Truyện cười.

Câu 4. Hãy cho biết từ “*thiên thần*” có nghĩa là gì?

- A. Thần tài giỏi.
- B. Thần nhân hậu.
- C. Thần trên trời.
- D. Thần núi.

Câu 5. Xác định từ dùng sai trong câu sau đây “*Trong lớp, An thường hay nói năng tự tiện*”.

- A. Trong lớp
- B. An
- C. nói năng
- D. tự tiện

Câu 6. Chức vụ điển hình trong câu của cụm danh từ là gì?

- A. Trạng ngữ
- B. Bổ ngữ
- C. Chủ ngữ
- D. Vị ngữ

Câu 7. Trong các từ sau từ nào thuộc từ loại chỉ từ?

- A. Tập thể
- B. Nhưng



C. Nọ

D. Tất cả

Câu 8. Trong các tác phẩm sau, tác phẩm nào thuộc thể loại truyện trung đại?

A. Sự tích Hồ Gươm.

B. Mẹ hiền dạy con.

C. Em bé thông minh.

D. Thầy bói xem voi.

II. Tự luận (8,0 điểm)

Kể về một người bạn mà em yêu quý.

-----**Hết**-----**ĐÁP ÁN****I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)**

Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	C	D	C	C	B

II. Tự luận (8,0 điểm)**Yêu cầu chung:**

- Thể loại : văn tự sự.

- Nội dung: Kể về người bạn mà em yêu quý.

- Hình thức: bố cục ba phần, văn phong mạch lạc, chữ viết rõ ràng, đúng chính

tả.

Mở bài	- Giới thiệu chung về người bạn em sẽ kể (tên bạn là gì, vì sao em quý bạn...)	1,0 điểm
Thân bài	- Về ngoại hình (những nét nổi bật nhất)	1,0 điểm
	- Kể về tính cách (cách ứng xử với những người xung quanh, với bạn bè trong lớp...)	1,5 điểm
	- Những việc làm của bạn với mọi người và đặc biệt với em	1,5 điểm
	- Kể về tình cảm của bạn giành cho em hoặc kỉ niệm sâu sắc giữa em với bạn	2,0 điểm
Kết bài	- Cảm nghĩ của em về người bạn đó.	0,5 điểm



	- Những bài học em có thể học được từ người bạn của mình.	0,5 điểm
--	---	----------

Lưu ý: Trên đây chỉ là những hướng dẫn cơ bản, khi chấm bài TLV, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kỹ năng và năng lực, phẩm chất người học.





ĐỀ SỐ 10

ĐỀ 10

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Ghi ra giấy thi chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1. Theo Tác giả Lê Anh Trà trong văn bản “*Phong cách Hồ Chí Minh*” quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

- A. Phải tạo cho mình một lối sống khác đời, khác người.
- B. Có hiểu biết cao sâu để được người đời tôn sùng.
- C. Đã là con người phải có đạo đức hoàn toàn trong sáng.
- D. Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên, thanh cao.

Câu 2. Ai là tác giả của văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí*?

- A. Kim Lân.
- B. Phạm Tiến Duật.
- C. Ngô gia văn phái.
- D. Nguyễn Thành Long.

Câu 3. Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến các sự việc trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du?

- A. Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ – Gia biến và lưu lạc.
- B. Gặp gỡ và đính ước – Gia biến là lưu lạc – Đoàn tụ.
- C. Gia biến là lưu lạc – Đoàn tụ – Gặp gỡ và đính ước.
- D. Gia biến là lưu lạc – Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ.

Câu 4. *Nói giảm nói tránh* là biện pháp tu từ liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng.
- B. Phương châm lịch sự.
- C. Phương châm quan hệ.
- D. Phương châm về chất

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Cho khổ thơ sau :

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn



Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng. ..”

(Bếp lửa - Bằng Việt)

Viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh “ngọn lửa” trong khổ thơ?

Câu 2. (6,0 điểm) Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng, từ khi ông Sáu về thăm nhà. (Kết hợp yếu tố miêu tả và nghị luận).

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

PHẦN I: Trắc nghiệm (2,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng cho 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	C	B	B

PHẦN II: Tự luận (8,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

HS viết đoạn văn đảm bảo các ý sau:

- Hình ảnh “ngọn lửa“ thực sớm chiều bà chi chút, tần tảo nhóm lên mỗi sớm mai, chăm lo từng bữa ăn cho cháu trong cuộc sống thường ngày. (1,0 điểm)

- “Ngọn lửa lòng bà”, “Ngọn lửa chứa niềm tin. ..” đó là hình ảnh ẩn dụ: Ngọn lửa đó là tình bà ấm nóng, là niềm tin là niềm hi vọng, là sức mạnh mà bà muốn truyền cho cháu. Ngọn lửa đó có sức tỏa sáng diệu kì nâng đỡ cháu trên bước đường đời cháu đi. (1,0 điểm)

Câu 2. (6,0 điểm)

Yêu cầu chung:

- Thể loại : văn tự sự. (Kết hợp kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận)
- Thay đổi ngôi kể (Bé Thu)- hợp lí, có nhiều cảm xúc , sâu sắc...
- Hình thức: bố cục ba phần, văn phong mạch lạc, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả.

Mở bài	Hoàn cảnh nhân vật bé Thu kể lại câu chuyện (Khi đã trở thành	1,0
--------	--	-----



	cô giao liên)	điểm
Thân bài	<i>Kể lần lượt các sự việc:</i> - Trong những ngày ông Sáu về thăm nhà. + Giây phút đầu gặp ông Sáu ... + Trong những ngày sau đó... + Khi chia tay...	2,0 điểm
	- Những ngày ông Sáu ở chiến khu và hi sinh (Nghe bác Ba kể lại)	1,0 điểm
	- Khi nhận kỉ vật của cha ...	1,0 điểm
Kết bài	- Tình cảm của bé Thu đối với cha. - Suy ngẫm về chiến tranh, về gia đình , Tổ quốc...	1,0 điểm

Lưu ý: Trên đây chỉ là những hướng dẫn cơ bản, khi chấm bài TLV, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kĩ năng và năng lực, phẩm chất người học.



ĐỀ SỐ 11

ĐỀ 11	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I - VĂN TIẾNG VIỆT: (4 điểm).

Câu 1: (2 điểm).

- a. Chép 3 câu thơ tiếp theo và cho biết tên bài thơ, tên tác giả.

“...Trăng cứ tròn vành vạnh
.....”

- b. Nêu nội dung và nghệ thuật chính của khổ thơ trên

Câu 2: (2 điểm).

- a. Có mấy cách phát triển từ vựng? Kể ra?
- b. Giải nghĩa các từ sau đây: công viên nước, cầu truyền hình.

II - LÀM VĂN: (6 điểm).

Sau nhiều năm xa cách, em có dịp về thăm trường cũ. Hãy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HK I
MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Nội dung	Thang điểm
I- VĂN TIẾNG VIỆT	a. Chép tiếp 3 câu thơ kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình.	Chép đúng: mỗi câu 0,25đ
	- Tên bài thơ: “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.	+Sai thứ tự câu thơ (0đ)
Câu 1: (2,0đ)	b. Nêu nội dung: Trăng vẫn nghĩa tình tròn vẹn, thủy chung, bao dung cho dù cuộc sống, hoàn cảnh đổi thay. Chính điều này đã làm cho người	0,25đ 0,5 đ



	(nhân vật) cảm thấy ân hận nhận ra lỗi lầm. - Nghệ thuật chính của khổ thơ trên: + Nhân hóa: ánh trăng im phăng phắc. Ánh trăng được nhân hóa như người bạn tri kỷ của nhân vật.	0,5 đ
Câu 2: (2,0đ)	a. Nêu đúng 2 cách phát triển từ vựng: + Pht triển về nghĩa. + Pht triển về số lượng	Mỗi ý đúng cho 0,5 đ
	b. Giải nghĩa từ đúng mỗi từ - Công viên nước: là công viên giải trí với những trò chơi dưới nước như: trượt tuyết, tắm biển, lướt sóng...	0,5đ
	- Cầu truyền hình: là hình thức truyền hình tại chỗ các hình thức lễ hội hay các hội thao ở những nơi cách xa nhau về địa lí qua hệ thống camera.	0,5đ
II-LÀM VẤN	a/Mở bài:	1,0đ
	- Giới thiệu hoàn cảnh, lý do về thăm trường cũ	
	b/Thân bài:	4,0đ
	- Kể theo trình tự không gian, thời gian: + Em về thăm trường trong dịp nào, thời gian nào ? + Có ai đi cùng ? - Cảnh sắc sân trường (có gì thay đổi ?) - Em gặp được những ai ? - Hồi tưởng những kỉ niệm cũ. - Tâm trạng của em khi về trường cũ, gặp lại thầy cô giáo cũ và khi về	
	c/ Kết bài: - Tâm trạng, suy nghĩ của em về ngôi trường, thầy cô và bạn bè. * Yêu cầu cần đạt:	1,0đ



	<p>- Cách kể, diễn đạt tự nhiên, mạch lạc, bố cục đủ 3 phần; có sự kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự kết hợp Nghị luận, miêu tả; miêu tả nội tâm; sử dụng đối thoại, độc thoại ...</p> <p>*Biểu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý, trình bày sạch đẹp; không sai lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, đặt câu.- Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6. Sai vài lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu.- Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, đặt câu.	
--	---	--



ĐỀ SỐ 12

ĐỀ 12	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Câu 1 (3,0đ): Cho câu thơ: “*Quê hương anh nước mặn đồng chua*”

a/ Câu thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b/ Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng. Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép.

c/ Hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật có điểm nào giống nhau?

Câu 2 (1,0đ): Ghi lại lời dẫn trong đoạn trích sau và cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- ...Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?

Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia.

Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất....”

(Nguyễn Thành Long - Lặng lẽ Sa Pa)

Câu 3 (6,0đ): Đóng vai nhân vật ông Hai kể lại truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1 (3,0đ)	a/ Câu thơ trên trích từ tác phẩm “Đồng chí” của Chính Hữu	0,5 đ
	b/ Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng:	1,0 đ
	<i>Quê hương anh nước mặn đồng chua</i>	
	Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.	
	Anh với tôi đôi người xa lạ	
	Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,	0,5 đ
	Súng bên súng đầu sát bên đầu,	
	Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.	
	Đồng chí!	
	<i>(sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm)</i>	0,25 đ
- Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép: Những cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội.	0,25 đ	
c/ Những điểm giống nhau về hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật:	0,25 đ	
- Vượt qua mọi gian khổ, hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ		
- Tinh thần lạc quan, tin tưởng		
- Tình đồng chí, đồng đội gắn bó		
- Tình yêu quê hương, đất nước		



<p>Câu 2 (1,0đ)</p>	<p>- Lời dẫn trong đoạn trích: “ ...Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất....”</p> <p>- Dẫn lại lời nói - Lời dẫn trực tiếp.</p>	<p>0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ</p>
<p>Câu 3 (6,0đ)</p>	<p>a. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Thể loại: Tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận; các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.- Nội dung: Những ngày đi tản cư, nghe tin làng theo giặc- Ngôi kể: ngôi thứ nhất – xưng “tôi”- Cách thức trình bày:<ul style="list-style-type: none">+ Bài viết đảm bảo bố cục 3 phần, phần thân bài được triển khai thành nhiều đoạn, các đoạn văn phải có cấu trúc đảm bảo và phải có tính liên kết chặt chẽ.+ Lời đối thoại phải tự nhiên, linh hoạt, không gượng ép; văn phong trong sáng, giàu tính biểu cảm. <p>b. Yêu cầu cụ thể: Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none">* Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc:<ul style="list-style-type: none">+ Tôi là ông Hai ở làng chợ Dầu+ Chuyện tôi nhớ mãi: nghe tin làng tôi theo giặc.* Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện:<ul style="list-style-type: none">- Hoàn cảnh phải đi tản cư; niềm hãnh diện, tự hào, nỗi nhớ làng da diết và sự quan tâm đến cuộc kháng chiến khi ở nơi tản cư.- Diễn biến tâm trạng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc từ đó bộc lộ rõ tình yêu làng sâu sắc hòa quyện thống nhất	<p>0,5 đ 0,5 đ 4,0 đ</p>



	<p>với tình yêu nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mới nghe tin: bàng hoàng, sửng sò + Trên đường về nhà: xấu hổ không dám ngẩng mặt nhìn ai. + Về đến nhà: đau đớn, nhục nhã, tủi thân. + Mấy ngày liền không ra khỏi nhà, không muốn trò chuyện với mọi người. + Tinh thể bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi ra khỏi nhà, sự đấu tranh nội tâm giữa đi nơi khác hay trở về làng.. + Lời tâm sự với đứa con út thể hiện tấm lòng thủy chung son sắt với cách mạng, với kháng chiến. - Ông chủ tịch lên báo tin nhà bị đốt, làng không theo Tây: Tâm trạng vui sướng vô bờ . <p>* Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ấn tượng, cảm xúc và suy nghĩ về làng. - Điều muốn gửi đến người đọc qua câu chuyện. 	<p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>
ĐỀ SỐ 13		
ĐỀ 13	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>	

Phần I. Đọc, hiểu văn bản (3,0 điểm)

Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
 kẻ chi người vô tình
 ánh trăng im phăng phắc
 đủ cho ta giật mình”*

(Trích *Ánh trăng* – Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9 - Tập một* - NXBGD năm 2014)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định các phương thức biểu đạt trong khổ thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ.



Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của khổ thơ.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua nội dung của khổ thơ trên, em rút ra cho mình thái độ sống như thế nào ?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Câu 2 (5,0 điểm). Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp (Khối): 79

Thời gian làm bài: 90 phút

(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)	1	Các phương thức biểu đạt có trong đoạn thơ trên: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.	0,5
	2	Từ láy có trong khổ thơ: vành vạnh, phăng phắc. Lưu ý : - HS đưa ra đầy đủ các nội dung trên đạt điểm tối đa; - HS trả lời thiếu một từ trừ 0,25 điểm.	0,5
	3	Nội dung chính của khổ thơ: Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy, bất diệt.	1,0
	4	HS đưa ra các cách khác nhau theo quan điểm của bản thân nhưng cần phù hợp, không vi phạm đạo đức, pháp luật. GV chấm cần linh hoạt.	1,0
PHẦN II. LÀM VĂN (7 điểm)	1 (2 điểm)	HS viết đoạn văn: Về hình thức phải có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn. Các câu phải liên kết với nhau chặt chẽ về nội dung và hình thức.	
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn và đảm bảo số câu	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề : bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ.	0,25

	<p><i>c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:</i> Vận dụng tốt các phương thức biểu đạt. Có thể viết đoạn văn theo ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái niệm của lòng vị tha. - Biểu hiện của lòng vị tha. - Ý nghĩa của lòng vị tha. - Rút ra bài học cho bản thân. 	1,0
	<p><i>d. Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25
<p>2 (5 điểm)</p>	<p>Viết bài văn biểu cảm</p> <p>Đề: Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn <i>Làng</i> của nhà văn Kim Lân.</p>	
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</i></p> <p>Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Các phần, câu, đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng nội dung kể</p>	0,25
	<p>c. Học sinh sắp xếp được các đoạn văn thống nhất theo mạch kể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nhân vật kể chuyện - Nêu hoàn cảnh (nỗi nhớ, lòng tự hào) của nhân vật ông Hai về làng Chợ Dầu. - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc - Tâm trạng khi nghe tin cải chính làng Chợ Dầu không theo giặc. - Liên hệ bản thân về tình yêu quê hương, đất nước 	4,0
	<p><i>d. Sáng tạo:</i> cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có cảm xúc</p>	0,25
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25

Tổng điểm	10,0
-----------	------

ĐỀ SỐ 14

ĐỀ 14	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I (5.5 điểm):**Cho đoạn văn sau:**

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Hướng chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.

1. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Của ai? Nêu xuất xứ của văn bản.
2. Xác định các hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn và nêu ngắn gọn tác dụng của chúng.
3. Từ hoàn cảnh sống và vẻ đẹp của nhân vật “cháu”- anh thanh niên- trong văn bản trên, hãy viết bài văn nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ của em về giá trị của cuộc sống.

Phần II (4.5 điểm):

Bằng bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã đem đến cho người đọc những câu thơ tuyệt đẹp:

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*



*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

(Trích "**Đoàn thuyền đánh cá**", Huy Cận)

1. Liệt kê các từ ngữ thuộc trường từ vựng thiên nhiên và trường từ vựng chỉ hoạt động của con người trong đoạn thơ trên. Nêu tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ thuộc hai trường từ vựng đó trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ.

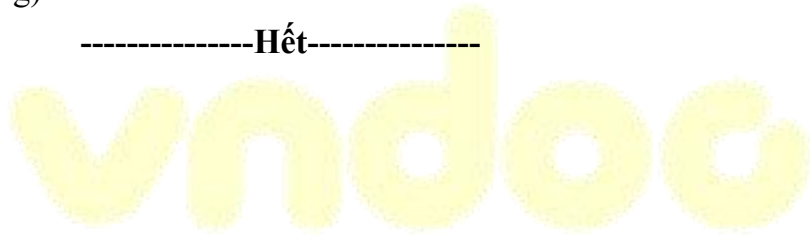
2. Cho câu chủ đề:

"Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận không chỉ là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên như đã phân tích ở trên mà bài thơ còn là lời ngợi ca vẻ đẹp của con người lao động mới.

a. Xác định đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề trên.

b. Viết tiếp khoảng 12 câu để tạo thành đoạn văn tổng – phân – hợp hoàn chỉnh, trong đó có sử dụng 1 lời dẫn trực tiếp và 1 câu bị động (gạch dưới lời dẫn trực tiếp và câu bị động).

-----Hết-----



**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - MÔN: NGỮ VĂN 9**

Phần I (5.5 điểm)		
Câu	Yêu cầu	Điểm
1 (1.0 điểm)	- Văn bản: Lặng lẽ Sa Pa của tác giả Nguyễn Thành Long	0.5
	- Xuất xứ: Trích từ truyện ngắn cùng tên; truyện ngắn được viết sau chuyến đi Lào Cai vào mùa hè năm 1970 của tác giả	0.5
2 (1 điểm)	- Hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn: Đối thoại và độc thoại (học sinh nếu không giải thích rõ cũng cho điểm tối đa)	0.5
	- Tác dụng: cho thấy những suy nghĩ, trăn trở của anh thanh niên với công việc, ý thức trách nhiệm của anh với con người, với cuộc đời,...; khiến ta thêm yêu quý, khâm phục anh.	0.5
3 (3.5 điểm)	* Hình thức: Có cấu trúc đúng yêu cầu cần đạt của một bài văn	0.5
	* Nội dung: - Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa pa đã tìm được gì cho mình? Ý nghĩa của nó?	1.0
	- Suy nghĩ của cá nhân về giá trị của cuộc sống	1,0
	- Liên hệ với cuộc sống hiện tại và bản thân (<i>Học sinh có thể có những cách lập luận khác nhau nhưng phải thể hiện được những giá trị truyền thống, nhân văn trong suy nghĩ</i>)	1,0
Phần II (4.5 điểm)		
1 (1 điểm)	- Các từ ngữ thuộc: + Trường từ vựng thiên nhiên: <i>trắng, biển, sao, trời, rặng đông, nắng.</i> (Chỉ ra được 2 từ đúng cho 0,5, Nhưng sai 1 từ trừ 0,25đ)	0.5
	+ Trường từ vựng chỉ hoạt động của con người: <i>hát, gọi, kéo, xếp, đón</i> (HS có thể kể cả các từ: <i>gõ, cho, nuôi</i>)	0.5
	- Tác dụng: Tô đậm vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ và vẻ đẹp của con người lao động; khắc họa tư thế làm chủ biển khơi của người ngư dân, người lao động mới	
2 (3.5 điểm)	a. Đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề: <i>“Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên.</i>	0.5
	b. Viết đoạn văn cần đạt các yêu cầu sau: * Hình thức: đúng đoạn văn tổng phân hợp, độ dài khoảng 12 câu, có câu dùng lời dẫn trực tiếp, có câu bị động (mỗi yêu cầu 0,25 điểm)	1.0



	<p>* Nội dung: HS biết phân tích các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ; việc sử dụng nhiều động từ, tính từ, các từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên, chỉ hoạt động của con người,... đã cho thấy tinh thần phấn khởi, lạc quan; khí thế lao động mạnh mẽ đầy tính tập thể của những con người lao động mới đang chinh phục và làm chủ biển khơi...</p> <p>(Nếu nội dung đoạn văn không nêu bật nội dung: <i>bài thơ còn là lời ngợi ca vẻ đẹp của con người lao động mới</i>. Mọi phân tích đều không có giá trị. Cho điểm Không phân nội dung.</p>	2.0
--	--	-----

(GK căn cứ bài làm cụ thể của HS để cho điểm phù hợp)





ĐỀ SỐ 15

ĐỀ 15

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi.

Câu 1. Tác phẩm nào sau đây **không** được viết trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước?

- A. Bài thơ về tiểu đội xe không kính.
B. Ánh trăng.
C. Lặng lẽ Sa Pa.
D. Chiếc lược ngà.

Câu 2. Bài thơ nào viết cùng đề tài với bài thơ “**Đồng chí**” của Chính Hữu?

- A. Bài thơ về tiểu đội xe không kính.
B. Mùa xuân nho nhỏ.
C. Đoàn thuyền đánh cá.
D. Bếp lửa.

Câu 3. Thành ngữ “**đánh trống lảng**” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng.
B. Phương châm cách thức.
C. Phương châm về chất.
D. Phương châm quan hệ.

Câu 4. Câu văn nào sau đây thể hiện rõ yếu tố nghị luận?

- A. Nét hớn hờ trên mặt người lái xe chọt đuôi ra rồi băng đi một lúc, bác không nói gì nữa.
B. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây.
C. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao nhiêu cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan.
D. Nói xong, anh chạy vụt đi, cũng tắt tả như khi đến.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3,0 điểm). Cho hai câu thơ sau:

Biển cho ta cá như lòng mẹ



Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

- a) Hai câu thơ trên được trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?
- b) Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ “*Biển cho ta cá như lòng mẹ*”. Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.
- c) Từ ý thơ trên em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 - 12 câu) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của biển đảo.

Câu 6 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của tác giả Nguyễn Dữ.

.....Hết.....

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

Họ và tên thí sinh:..... SBD:.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 5	a. Hai câu thơ trên được trích trong văn bản “ Đoàn thuyền đánh cá ” - Tác giả Huy Cận .	0,5 0,25
	b. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: So sánh. - Tác dụng: Thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của ngư dân đối với biển cả quê hương.	0,25 0,5
	c. - Hình thức viết đúng đoạn văn (khoảng 10- 12 câu). - Nội dung. * Giải thích khái quát nội dung ý thơ: + Biển rất giàu đẹp: cho con người nguồn hải sản vô cùng phong phú. + Biển cả đối với ngư dân có ý nghĩa bao la như lòng mẹ, chở che, nuôi nấng họ lớn lên, bao bọc họ bằng một tình cảm trìu mến, thân thương. * Bàn luận:	1,5



	<ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định được vai trò quan trọng của biển. + Bàn về tình yêu biển, thái độ trách nhiệm. * Bài học nhận thức: Ra sức học tập, lao động, tham gia vào những hoạt động hướng về biển đảo. 	
Câu 6	<ul style="list-style-type: none"> * Về kĩ năng: Học sinh biết viết bài văn cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm văn học có bố cục rõ ràng, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. * Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được những ý cơ bản sau: 	
	<p>a. Mở bài</p> <p>Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật Vũ Nương (giới thiệu khái quát về đẹp của Vũ Nương: đẹp người, đẹp nét).</p>	0,5
	<p>b.Thân bài</p> <p>b1) Cảm nhận về vẻ đẹp của Vũ Nương:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đẹp người: tư dung tốt đẹp -> Vẻ đẹp dịu dàng, thuần hậu. * Đẹp nét: - Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo: <ul style="list-style-type: none"> + Khi mẹ chồng ốm hết lòng chăm sóc, lễ bái thần phật.(d/c) + Khi mẹ chồng chết lo tang ma chu tất.(d/c) 	0,25 0,5
	<ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương là người vợ thủy chung hết lòng yêu thương chồng, vun vén hạnh phúc gia đình: <ul style="list-style-type: none"> + Khi mới về nhà chồng. (d/c) + Khi tiễn chồng ra trận. (d/c) + Khi chồng đi xa. (d/c) + Khi chồng trở về. (mong được hưởng hạnh phúc nhưng bị chồng nghi oan nàng vẫn nhu mì, thùy mị.) (d/c) 	1,0
	<ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương là một người mẹ yêu con, đảm đang, tháo vát. <ul style="list-style-type: none"> + Đảm đang: sinh nở một mình, một mình nuôi con thơ, chăm mẹ già đau ốm, thay chồng vun vén quán xuyến việc gia đình, lo tang ma cho mẹ chu tất. (d/c). 	0.75
	<ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương là một người tình nghĩa, nhân hậu, vị tha. <ul style="list-style-type: none"> + Dù ở thủy cung vẫn luôn quan tâm đến người thân. (d/c). + Sẵn sàng tha thứ cho Trương Sinh. (d/c). 	1,0
	<p>b2) Đánh giá về nghệ thuật.</p>	



	<ul style="list-style-type: none">- Truyện có kết cấu hai phần để làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của Vũ Nương, tạo nên cái kết có hậu, làm nên tính truyền kì cho tác phẩm, là bài học đắt giá cho Trương Sinh.- Truyện có kịch tính, thắt nút mở nút gây bất ngờ.- Truyện có sự đan xen giữa yếu tố thực và yếu tố ảo.	0,5
	<p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none">- Khẳng định vẻ đẹp của Vũ Nương.- Liên hệ đến hình ảnh người phụ nữ trong xã hội ngày nay.	0,5

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kỹ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm của bài thi là điểm tổng các câu cộng lại; cho điểm từ 0 đến 10. Điểm lẻ làm tròn tính đến 0,5.



ĐỀ SỐ 16

ĐỀ 16	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Học sinh làm bài trên tờ giấy này

Phần I. Đọc hiểu văn bản (3,0 điểm)

Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình”*

(Trích *Ánh trăng* – Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9 - Tập một* - NXBGD năm 2014)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định các phương thức biểu đạt trong khổ thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra các từ láy có trong khổ thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của khổ thơ.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua nội dung của khổ thơ trên, em rút ra cho mình thái độ sống như thế nào ?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Câu 2 (5,0 điểm). Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	Các phương thức biểu đạt có trong đoạn thơ trên: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5

	2	Từ láy có trong khổ thơ: vành vạnh, phẳng phắc. Lưu ý : - HS đưa ra đầy đủ các nội dung trên đạt điểm tối đa; - HS trả lời thiếu một từ trừ 0,25 điểm.	0,5
	3	Nội dung chính của khổ thơ: Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy, bất diệt.	1,0
	4	HS đưa ra các cách khác nhau theo quan điểm của bản thân nhưng cần phù hợp, không vi phạm đạo đức, pháp luật. GV chấm cần linh hoạt.	1,0

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung khổ thơ phân đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 8-10 câu) về lòng vị tha.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
II. Làm văn	Câu 1 (2,0 điểm)	a. Đúng hình thức đoạn văn (mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn)	0,25
		b. Xác định đúng nội dung trình bày trong đoạn văn.	0,25
		c. Triển khai nội dung đoạn văn hợp lý. Có thể theo các ý sau: - Nêu khái niệm của lòng vị tha. - Biểu hiện của lòng vị tha. - Ý nghĩa của lòng vị tha. - Rút ra bài học cho bản thân.	1,0
		d. Sáng tạo, cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng của bản thân.	0,25
		e. Chính tả: Đảm bảo những quy tắc về chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25



Câu 2. (5,0 điểm) Em hãy thay lời nhân vật ông Hai, kể lại truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

Câu	Nội dung	Điểm	
Câu 2 5,0 điểm	a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự, trình bày đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	1,0	
	b. Xác định đúng nội dung kể - Giới thiệu nhân vật kể chuyện - Nêu hoàn cảnh (nỗi nhớ, lòng tự hào) của nhân vật ông Hai về làng Chợ Dầu. - Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc - Tâm trạng khi nghe tin cải chính làng Chợ Dầu không theo giặc. - Liên hệ bản thân về tình yêu quê hương, đất nước	2,5	
	c. Học sinh sắp xếp được các đoạn văn thống nhất theo mạch kể	0,5	
	d. Sáng tạo trong cách kể	0,5	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đúng chính tả, ngữ pháp, nghĩa Tiếng Việt	0,5	

ĐỀ SỐ 17

ĐỀ 17	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Đọc - hiểu (3,0 điểm)

Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp bần khoản, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thốn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.

(Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ,
Ngữ Văn 9, tập một, NXB Giáo dục VN, 2013)

Câu 1. Tìm từ ngữ xung hô trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Từ ngữ xung hô trên gọi sắc thái gì? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung khái quát đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4. Vì sao Vũ Nương chỉ mong Trương Sinh trở về “bình yên”, chứ không mong “đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về”? (1,0 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày ý kiến của em về nét đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam.

Câu 2. (5,0 điểm)

Em hãy đóng vai Lục Vân Tiên kể lại *Truyện Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (Nguyễn Đình Chiểu).

-----HẾT-----



		<ul style="list-style-type: none">• Ghen tuông mù quáng nên đã đẩy người vợ đến cái chết oan uất.• Sau đó biết là mình đã nghi oan cho vợ nhưng việc trót đã qua rồi + KB: <ul style="list-style-type: none">• Ân hận vì mình đã mù quáng nghi oan cho vợ khiến gia đình tan nát.• Mong mọi người nhìn vào bi kịch gia đình để rút ra bài học.	
--	--	--	--

----- HẾT -----





ĐỀ SỐ 18

ĐỀ 18	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

PHẦN I: (7 điểm)

Viết 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ sau:

“...Không có kính, rồi xe không có đèn...”

1. Đoạn thơ vừa chép được trích từ tác phẩm nào? Của ai?
2. Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm?
3. Hãy chỉ ra những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong khổ thơ?
4. Trong chương trình Ngữ văn 9 còn có một bài thơ khác cũng nói về tình đồng chí, đồng đội. Đó là bài thơ nào? Của ai?
5. Bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu, hãy nêu cảm nhận của em về phẩm chất cao đẹp của những người lính lái xe trong khổ thơ trên.

PHẦN II: (3 điểm)

Một trong những yếu tố tạo nên sự thành công của truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*” là việc tác giả đã tạo dựng được tình huống truyện bất ngờ nhưng hết sức tự nhiên, hợp lý.

1. Hãy chỉ rõ tình huống truyện đó.
2. Từ hình tượng nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm, em có suy nghĩ gì về cách sống của thế hệ trẻ hiện nay? Hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.

ĐÁP ÁN

PHẦN I (7 điểm).

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	Chép đúng ba câu thơ cuối trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”	
	<i>“Không có mui xe, thùng xe có xước, Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chỉ cần trong</i>	0,5 0,5



	<p><i>xe có một trái tim.</i>”</p> <p>Đoạn thơ vừa chép trích từ tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của tác giả Phạm Tiến Duật, sáng tác năm 1969.</p>	
<p>Câu 2 (1 điểm)</p>	<p>Giải thích ý nghĩa nhan đề: (1 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhan đề khá dài tưởng có chỗ thừa bởi chứa tới 8 âm tiết khiến cho nó gần với văn xuôi hơn là sự chắt lọc của thơ nhưng lại thu hút người đọc bởi vẻ lạ và độc đáo “xe không kính”. Không những thế, đây không phải là một chiếc xe mà là một “tiểu đội xe không kính”. - Nhan đề làm nổi bật hình ảnh toàn bài: Những chiếc xe không kính. Đó vừa là hình ảnh độc đáo vừa là hình ảnh phản ánh hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh. - Hai chữ “Bài thơ” gợi một cái nhìn mơ mộng vào đời sống chiến tranh khốc liệt. Hóa ra thi sĩ không muốn dừng ở những chiếc xe không kính khốc liệt mà chủ yếu nói về chất thơ của hiện thực ấy - chất thơ của tâm hồn người chiến sĩ, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, lạc quan, dũng cảm và khúc khích tiếng cười bay lên trên bom đạn... - Nhan đề đã thể hiện nội dung tư tưởng chủ đề của bài thơ và trở thành một nhan đề ẩn tượng: khốc liệt mà mộng mơ; hiện thực mà lãng mạn; gồ ghề chất văn xuôi mà vẫn bay bổng chất thơ ca... 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>Câu 3 (1 điểm)</p>	<p>Những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong khổ thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp từ: Từ “không” được nhắc đi, nhắc lại ba lần trong 2 câu thơ <i>“Không kính rồi xe không có đèn. Không có mui xe, thùng xe có xước.”</i> - Hoán dụ: Hình ảnh “trái tim” trong câu thơ <i>“Chỉ cần trong xe có một trái tim”</i>. - Liệt kê: Kính, đèn, mui xe, thùng xe - Đôi lập, tương phản: “không” và “có”. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>



	<p>+ Không kính, không đèn, không mui nhưng lại có xước.</p> <p>+ Không kính, không đèn, không mui nhưng quan trọng là “có một trái tim”.</p>	
Câu 4 (0,5 điểm)	<p>- HS nêu đúng tên tác phẩm: Đồng chí</p> <p>- HS nêu đúng tên tác giả: Chính Hữu</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
Câu 5 (3,5 điểm)	<p>* HS hoàn thành đoạn văn diễn dịch:</p> <p>- Mở đoạn: đạt yêu cầu về hình thức là trình bày trong một đoạn văn (<i>tính từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng cho đến chỗ xuống dòng</i>) và nội dung là nêu được ý chính của cả đoạn (<i>phẩm chất cao đẹp của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn là tinh thần dũng cảm và tình yêu nước nồng nàn</i>).</p> <p>- Thân đoạn: Biết bám vào ngữ liệu, khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (điệp từ, hoán dụ, tương phản, lời thơ giản dị...) có dẫn chứng, lý lẽ làm sáng tỏ phẩm chất cao đẹp thấm thía trách nhiệm, niềm tin và lý tưởng của những người lính lái xe Trường Sơn. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm chiến đấu chống Mỹ để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Càng đi sâu vào chiến trường, người chiến sĩ lái xe càng gặp nhiều gian khổ ác liệt; bom rơi, đạn nổ càng dữ dội. Điệp từ “không” được nhắc đi, nhắc lại ba lần: “<i>Không có kính ... có xước</i>” làm cho những chiếc xe càng thêm biến dạng nhưng vẫn băng băng ra trận: “<i>Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước</i>”. Chữ “có” trong “<i>có xước</i>” không làm cho những chiếc xe voi đi sự tàn phá mà lại làm cho chúng tiếp tục bị tàn phá, bị biến dạng thêm.</p> <p>+ Hình ảnh hoán dụ “trái tim” trong câu thơ “<i>Chỉ cần trong xe có một trái tim</i>” là biểu tượng của lòng yêu nước, ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt của những người lính lái xe Trường Sơn. Hình ảnh ấy đã nâng cao tình cảm, tầm vóc của</p>	<p>0,5</p> <p>1</p> <p>1</p>



	<p>những người chiến sĩ đầy khí phách, lý tưởng và niềm tin góp phần thể hiện sâu sắc chủ đề của bài thơ.</p> <p>+ Không kính, không đèn, không mui nhưng có xước và quan trọng là “có một trái tim”. Cùng với nghệ thuật điệp từ, liệt kê, nghệ thuật đối lập, tương phản giữa phương tiện vật chất với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh ở những chữ “không” và “có” đã tạo thành phép chơi chữ tài hoa cho thấy sức mạnh quyết định của chiến tranh không phải là vũ khí, là phương tiện vật chất mà là con người với nhiệt huyết và lý tưởng cao đẹp.</p> <p><i>(Nếu đoạn văn quá dài hoặc quá ngắn, hoặc nhiều đoạn trừ 0,5 điểm)</i></p>	1
--	---	----------

PHẦN II (3 điểm).

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	<p>HS nêu chính xác tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ bất ngờ và ngăn ngừ giữa nhà họa sĩ, cô kỹ sư và anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m.</p>	1
Câu 2 (2 điểm)	<p>* HS phải đảm bảo những yêu cầu:</p> <p>- Hình thức: Viết được một đoạn văn tổng - phân - hợp có độ dài khoảng nửa trang giấy thi, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, cách diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, không sai lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu...</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Từ nhân vật anh thanh niên, trình bày suy nghĩ về cách sống của thế hệ trẻ hiện nay: đại đa số sống có mục đích, lý tưởng, sẵn sàng đóng góp sức lực, trí tuệ xây dựng đất nước. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên đua đòi, ăn chơi, sa ngã, sống không có mục đích, trở thành gánh nặng của gia đình và xã hội.</p> <p>+ Liên hệ bản thân.</p>	0,5 1 0,5



	<p><i>(Khuyến khích HS có những quan điểm riêng nhưng phải hợp lý, thuyết phục, không có những suy nghĩ tiêu cực, lệch lạc)</i></p>	
--	---	--





ĐỀ SỐ 19

ĐỀ 19	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I - VĂN TIẾNG VIỆT: (4 điểm).

Câu 1: (2 điểm).

- a. Chép hai câu thơ cuối trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.
- b. Hai câu thơ ấy cho em biết phẩm chất gì của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?

Câu 2: (2 điểm).

- a. Thế nào là thuật ngữ?
- b. Từ in đậm trong câu sau có phải là thuật ngữ không? Vì sao?

Ở đây gần bạn, gần thầy

Có công mài **sắt** có ngày nên **kim**.

II - LÀM VĂN: (6 điểm).

Hãy kể lại một câu chuyện đáng nhớ của bản thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HK I (2017-2018) MÔN NGỮ VĂN 9

Câu	Nội dung	Thang điểm
I- VĂN_ TIẾNG VIỆT		
	<i>a. Chép hai câu thơ cuối trong bài “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” “...Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước</i>	1,0



1	<p><i>Chỉ cần trong xe có một trái tim”.</i></p> <p><i>b. Hai câu thơ kết khẳng định phẩm chất anh hùng, bất khuất của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ. Dù những chiếc xe “ không có...” thiếu đi nhiều thứ nhưng đẹp nhất trong xe “ có một trái tim” – một tình yêu Tổ quốc nồng nàn. Trái tim của tuổi trẻ giàu nhiệt huyết, sẵn sàng, bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm để chiến đấu vì miền Nam ruột thịt, vì sự nghiệp giải phóng đất nước.</i></p>	1,0
2	<p><i>a. Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.</i></p> <p><i>b. Từ in đậm không phải là thuật ngữ. Vì có tính biểu cảm, thể hiện nội dung: nếu cần cù, cố gắng, quyết tâm thì sẽ thành công.</i></p>	1,0 1,0
II-LÀM VĂN	<p>a/Mở bài: (1đ) Giới thiệu câu chuyện và lý do là câu chuyện đáng nhớ.</p> <p>b/Thân bài: (4đ) Kể theo trình tự không gian, thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự việc mở đầu: hoàn cảnh xảy ra sự việc. - Diễn biến câu chuyện, các sự việc trong câu chuyện (suy nghĩ, cảm giác, đối thoại, độc thoại,..) - Cao trào , đỉnh điểm sự việc : việc đáng nhớ, ấn tượng ... (những suy nghĩ, tâm trạng, đối thoại, nội tâm..) - Kết thúc câu chuyện, sự việc: bài học, ý nghĩa câu chuyện được kể. <p>c/ Kết bài: (1đ) Suy nghĩ, tâm trạng của bản thân khi kể câu chuyện.</p> <p><i>* Yêu cầu cần đạt:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện tự nhiên, mạch lạc, bố cục đủ 3 phần. - Kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn tự sự: miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại nội tâm,.. <p><i>*Biểu điểm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý, tự sự kết hợp với nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại. - Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6. Sai vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. 	



ĐỀ 20

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Viết phương án đúng (A, B, C hoặc D) vào bài thi

Câu 1. Tác giả bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” là ai?

- A. Thanh Hải.
- B. Chính Hữu.
- C. Huy Cận.
- D. Viễn Phương.

Câu 2. “Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ” định nghĩa cho phương châm hội thoại nào dưới đây?

- A. Phương châm về chất.
- B. Phương châm về lượng.
- C. Phương châm quan hệ.
- D. Phương châm cách thức.

Câu 3. Truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng được sáng tác vào thời kì nào?

- A. Thời kì kháng chiến chống Pháp.
- B. Thời kì kháng chiến chống Mỹ.
- C. Thời kì trung đại.
- D. Thời kì sau năm 1975.

Câu 4. “*Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:*

- Hà, nắng gắt, về nào ...”.(Trích *Làng*- Kim Lân, Ngữ văn 9, tập 1).

Câu in đậm trong đoạn văn trên thuộc hình thức ngôn ngữ nào?

- A. Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật.
- B. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.
- C. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật.
- D. Ngôn ngữ trần thuật của tác giả.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm)

Câu 5 (3.0 điểm). Cho đoạn văn:



“Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ...”

a) Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?

b) Câu văn “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc” là câu đơn hay câu ghép?

c) Từ nội dung phân tích trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10-12 câu) trình bày suy nghĩ về tình yêu thương của con người.

Câu 6 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (Truyện Kiều của Nguyễn Du).

-----HẾT-----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm).

- Họ và tên thí sinh:SBD.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm).

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
Đáp án	C	D	B	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (8.0 điểm).

Câu	Nội dung trình bày	Điểm
Câu 5	a) Tên văn bản: <i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.</i>	0,75



	<p>b) Câu văn: “<i>Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc.</i>” => là câu đơn.</p>	0,75
	<p>c) Viết đoạn văn</p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách viết đoạn nghị luận xã hội, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau đáp ứng được những nội dung cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Tình yêu thương là sự đồng cảm, sẻ chia giữa con người với con người trong cuộc sống. Đó là tình cảm tốt đẹp nhất, là món quà tuyệt vời mà tạo hoá đã ban tặng. * Bàn luận: <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của tình yêu thương: cảm thông, quan tâm, giúp đỡ những người có cảnh ngộ bất hạnh, khó khăn trong cuộc sống; yêu mến, trân trọng những người có phẩm chất đạo đức, tình cảm cao đẹp... (d/c) - Được sống trong tình yêu thương, sống để yêu thương mỗi chúng ta sẽ cảm nhận được niềm hạnh phúc, có thêm niềm tin, sức mạnh và khát khao vươn tới. - Cuộc sống sẽ trở nên khô cằn, u tối nếu thiếu tình yêu thương, nếu xung quanh ta là những người vị kỉ. * Liên hệ: Mỗi chúng ta phải luôn thắp lên ngọn lửa yêu thương, kết nối trái tim của triệu triệu con người. 	1,5
Câu 6	<p>* Yêu cầu về kĩ năng: học sinh nắm được kĩ năng làm bài văn cảm nhận về một nhân vật trong tác phẩm truyện thơ nôm. Bài viết có bố cục rõ ràng, cảm xúc chân thực, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức: học sinh có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	
	<p>A. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều; giới thiệu vị trí đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”. 	0,5



	<p>- Nêu cảm nhận khái quát về vẻ đẹp của Thúy Kiều trong đoạn trích.</p>	
	<p>B. Thân bài</p> <p>1. Khái quát về giá trị đoạn trích:</p> <p>- Đoạn trích “<i>Chị em Thúy Kiều</i>” tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp thiên nhiên để ngợi ca vẻ đẹp con người, khắc họa rõ nét chân dung chị em Thúy Kiều. Ca ngợi tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.</p>	0,5
	<p>2. Cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Kiều:</p> <p>a) Mở đầu đoạn trích Nguyễn Du khái quát về đẹp của hai Kiều và khắc họa vẻ đẹp của Thúy Vân:</p> <p>- Khái quát vẻ đẹp hai Kiều: vẻ đẹp trang trọng quý phái, mười phân vẹn mười.</p> <p>- Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy.</p>	0,5
	<p>b) Vẻ đẹp của Thúy Kiều:</p> <p>* Vẻ đẹp hình thức:</p> <p>- Vẻ đẹp của Kiều hội tụ ở đôi mắt:</p> <p style="text-align: center;">Làn thu thủy nét xuân sơn, Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.</p> <p>->Bút pháp ước lệ tượng trưng “Làn thu thủy nét xuân sơn” gợi đôi mắt trong sáng, long lanh như làn nước mùa thu; lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Hình ảnh nàng Kiều hiện lên lộng lẫy, sắc nước hương trời khiến “hoa ghen, liễu hờn”. Vẻ đẹp đó còn thể hiện phần tinh anh của trí tuệ, sự mặn mà của tình cảm, như tiềm ẩn phẩm chất cao quý- tài và tình rất đặc biệt của nàng.</p>	1,0
	<p>* Vẻ đẹp tài năng:</p> <p style="text-align: center;">Thông minh vốn sẵn tính trời, Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm. Cung thương lầu bạc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.</p>	0,75



<p>- Kiều là người con gái đa tài, trời phú cho nàng tư chất thông minh nên tài nào cũng đạt đến độ hoàn thiện, xuất chúng: đủ cả cầm, kì, thi, họa.</p> <p>- Đặc biệt là tài đàn của nàng vượt trội hơn hẳn: tài biểu diễn, sáng tác.</p>	
<p>* Vẻ đẹp tâm hồn:</p> <p>Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.</p> <p>- Kiều đã soạn riêng một khúc đàn bạc mệnh mà ai nghe cũng nào lòng “Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”. Đó là tiếng đàn của một trái tim đa sầu đa cảm, tiếng đàn thuộc về thân phận bạc bẽo mong manh.</p> <p>=> Chân dung của Kiều mang tính cách số phận. Sắc đẹp và tài năng của Kiều khiến tạo hóa ghen ghét đố kị “hoa ghen, liễu hờn”. Dự báo cuộc đời nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ, một tương lai dâu bể sẽ xô cuốn đời nàng.</p>	0,75
<p>3. Đánh giá:</p> <p>- Bằng việc sử dụng bút pháp ước lệ, tượng trưng cùng với tâm hồn mẫn cảm, sự tài hoa trong việc chắt lọc, trau chuốt ngôn từ, Nguyễn Du đã khắc họa thật sinh động vẻ đẹp hình thức, tài năng, tâm hồn của Thúy Kiều. Ca ngợi vẻ đẹp của Kiều chính là biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân văn trong ngòi bút Nguyễn Du.</p>	0,5
<p>C. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại giá trị đoạn trích.</p> <p>- Nêu cảm nghĩ của bản thân.</p>	0,5

Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kỹ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng tạo, có chất văn.

Lưu ý: Điểm bài thi là tổng điểm các câu cộng lại, tính theo thang điểm 10, điểm lẻ làm tròn tính đến 0,5.



ĐỀ 21	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I/ VĂN – TIẾNG VIỆT (4,0 điểm):**Câu 1: (2 điểm)**

Tóm tắt ngắn gọn truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Nêu chủ đề của truyện.

Câu 2: (2 điểm)

Kể tên các cách phát triển từ vựng. Giải thích nghĩa của từ “sốt” trong hai câu sau:

a- Anh ấy bị sốt cao.

b- Cuối năm, các siêu thị đang trong cơn sốt hàng điện tử.

II/ LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Hãy kể lại một việc tốt em đã làm, khiến bố mẹ (hoặc thầy cô) vui lòng.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015-2016
MÔN NGỮ VĂN 9

1/ Học sinh trả lời theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm, thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.

2/ Việc chi tiết hóa điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong tổ chấm kiểm tra.

3/ Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Điểm toàn bài tối đa là 10,0 điểm.

Câu	Đáp án	Điểm
	I/ VĂN –TIẾNG VIỆT (4 điểm)	
Câu 1 (2 điểm)	- Tóm tắt truyện ngắn “Làng” - Kim Lân Yêu cầu : Tóm tắt ngắn gọn; đảm bảo được nội dung cốt truyện (Mở	1,5



	<p>đầu, diễn biến, kết thúc). Đảm bảo nội dung cơ bản sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong kháng chiến ông Hai là người làng chợ Dầu, có lòng yêu làng quê thắm thiết, buộc phải rời làng, đi tản cư. + Ở nơi tản cư, ông nghe tin đồn làng chợ Dầu theo giặc ông rất khổ tâm và xấu hổ. + Khi tin làng ông theo Tây là tin thất thiệt, được cải chính thì ông lại vui vẻ, phấn chấn như xưa – khoe lòng yêu nước, yêu làng của mình. <p>Chủ đề :Truyện thể hiện tình yêu nước chân thật, trong sáng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.</p>	0,5
<p>Câu 2 (2 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có hai cách phát triển từ vựng: + Phát triển về nghĩa: theo phương thức ẩn dụ và hoàn dụ + Phát triển về số lượng: tạo thêm từ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài. - Giải nghĩa từ “ sốt ”: + Trong câu a: “ sốt ” là sự tăng nhiệt độ của cơ thể người lên quá mức bình thường do bị bệnh. + Trong câu b: “ sốt ” là sự tăng đột ngột về nhu cầu mua hàng hóa, khiến hàng trở nên khan hiếm, giá tăng nhanh. 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
II/ LÀM VĂN (6 điểm)		
	<p>- Mở bài:</p> <p>Giới thiệu câu chuyện (việc tốt) em đã làm khiến bố mẹ (thầy cô) vui lòng.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>Kể việc tốt theo trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tình huống diễn ra sự việc. + Sự việc diễn ra như thế nào. + Tâm trạng của em khi thấy bố mẹ (thầy cô) vui lòng. + Thái độ, tâm trạng của bố mẹ (thầy cô) đối với việc tốt đã làm. + Nghĩ về đức hy sinh của cha mẹ (thầy cô) đã dạy dỗ. + Kết thúc sự việc (câu chuyện). 	<p>1,0</p> <p>4,0</p>



	<p>- Kết bài: Ý nghĩa câu chuyện, suy nghĩ của bản thân, lời khuyên với mọi người.</p> <p>*Yêu cầu cần đạt :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách kể tự nhiên, chuyện kể mạch lạc , có bố cục đủ 3 phần. - Có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt : tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả và miêu tả nội tâm, các hình thức đối thoại, độc thoại. <p>*Biểu điểm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5-6: Đảm bảo các yêu cầu trên, bố cục rõ ràng, hợp lý; tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả nội tâm, sử dụng các hình thức đối thoại, độc thoại. - Điểm 3-4: Đảm bảo ½ yêu cầu của điểm 5-6, sai vài lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, đặt câu. - Điểm 1-2: Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi dùng từ, diễn đạt, đặt câu. 	1,0
--	--	-----

----- HẾT -----

ĐỀ 22	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 9 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi chữ cái đầu câu em cho là đúng nhất ra tờ giấy làm bài.

Câu 1: Có mấy cách dẫn lời nói hay dẫn ý nghĩ của người hoặc nhân vật?

- A. Một.
- B. Hai.
- C. Ba.
- D. Bốn.

Câu 2: Trong các từ “*xuân*” sau đây (trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du), từ nào mang nghĩa chuyên?

- A. Trước lầu Ngưng Bích khóa **xuân**.
- B. Làn thu thủy nét **xuân** sơn.
- C. Ngày **xuân** con én đưa thoi.



D. Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.

Câu 3: Từ ngữ tiếng Việt mượn của ngôn ngữ nào nhiều nhất?

- A. Tiếng Pháp.
- B. Tiếng Anh.
- C. Tiếng Hán.
- D. Tiếng Nga.

Câu 4: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống (...) trong câu sau: *Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là....:*

- A. nói móc.
- B. nói leo.
- C. nói mát.
- D. nói hót.

Câu 5: Trong các từ Hán - Việt sau, yếu tố “*phong*” nào có nghĩa là “*gió*”?

- A. Phong lưu. C.
- Cuồng phong.
- B. Phong kiến. D.
- Tiên phong.

Câu 6: Trong những cách nói sau, cách nói nào **không** sử dụng phép nói quá?

- A. Chưa ăn đã hết. B. Đứt từng khúc ruột.
- C. Một tác đến trời. D.
- Sợ vã mồ hôi.

Câu 7: Câu: “*Xin ông đừng giận cháu!*” xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu nghi vấn. B.
- Câu cầu khiến.
- C. Câu cảm thán. D.
- Câu trần thuật.

Câu 8: Các thành ngữ: *ăn ốc nói mò, ăn không nói có, ăn gian nói dối*, liên quan đến phương châm hội thoại nào ?

- A. Phương châm về chất. B. Phương
- châm cách thức.
- C. Phương châm lịch sự. D. Phương
- châm quan hệ.

**II. Đọc – hiểu văn bản (2,5 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm. Người cũng chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hóa, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.”

(Trích *Phong cách Hồ Chí Minh*, Lê Anh Trà, Ngữ văn 9, tập một, tr. 5)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Qua đoạn trích tác giả đã cho thấy vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa bởi các yếu tố nào?

Câu 3: Xác định hai danh từ được dùng như tính từ trong câu văn sau và cho biết hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ ấy?

“*Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.*”

Câu 4: Từ đoạn trích, em rút ra được bài học gì cho bản thân về cách học tập, tiếp thu văn hóa nhân loại?

III. Tập làm văn (5,5 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)



Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Câu 2: (3,5 điểm)

Hãy kể một kỉ niệm sâu sắc nhất của em với thầy(cô) giáo cũ mà em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI Môn: Ngữ văn 9

I. Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Mỗi phương án đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	B	C	D	B	A

	Câu	Nội dung	Điểm
II. Đọc – hiểu (2,5 điểm)	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận	0,5
	2	Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa quốc tế với cái gốc văn hóa dân tộc; giữa sự bình dị rất Việt Nam, rất phương Đông với cái hiện đại và mới mẻ.	0,5
	3	- Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, phương Đông.	0,25
		- Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao: Tác giả muốn khẳng định và nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc phương Đông trong con người Bác.	0,25
4	HS có thể trình bày ý kiến theo nhiều cách, nhưng cần thể hiện được các ý:		

		<p>+ Phải chăm chỉ rèn luyện, học tập, nắm vững kiến thức, học đi đôi với thực hành, vận dụng lí thuyết vào giải quyết vấn đề cuộc sống. Học hỏi, tìm hiểu, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại đồng thời phê phán những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.</p> <p>+ Không ngừng học tập và làm theo tấm gương phong cách, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh: sống giản dị, giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Tránh xa lối sống sình ngoại, chây lười ỉ lại, buông thả, chạy theo mốt mà quên đi những giá trị văn hóa tốt đẹp mang bản sắc dân tộc.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>III. Tập làm văn (5,5 điểm)</p>	<p>1</p>	<p>Cảm nhận về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo thể thức một đoạn văn. - Cảm nhận sâu sắc, diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả. - Nội dung cảm nhận cần nêu bật được các ý cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bằng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã khắc họa nên một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân với vẻ đẹp riêng thật tươi đẹp. + Hai dòng thơ câu gợi tả mùa xuân theo cách riêng của tác giả vừa nói về sự trôi chảy của thời gian vừa gợi không gian. Ngày xuân thấm thoát trôi mau, tiết trời đã bước sang tháng ba – tháng cuối của mùa xuân. Giữa bầu trời xuân mênh mông bao la, những cánh én bay đi bay lại như thoi đưa. Các hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa (<i>con én đưa thoi</i>), hoán dụ (<i>thiều quang</i>), phụ từ <i>đã</i> không chỉ gợi lên sự trôi chảy quá nhanh của thời gian mà còn gợi lên cả sự sống động, trong sáng, ấm áp, tinh khôi... của đất trời xuân đồng thời gợi cảm giác băng khuâng, nuối tiếc của lòng người... + Hai dòng thơ tiếp là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân. 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p>

		<p>Thảm cỏ non xanh mơn mớn trải rộng tới chân trời tạo gam màu nền cho bức tranh xuân (<i>Cỏ non xanh tận chân trời</i>). Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng (<i>Cành lê trắng điểm một vài bông hoa</i>). Màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu, sự phối sắc tài tình. Tất cả đều gọi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống (<i>cỏ non</i>), khoáng đạt, trong trẻo (<i>xanh tận chân trời</i>), nhẹ nhàng thanh khiết (<i>trắng điểm một vài bông hoa</i>). Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo ý thơ cổ Trung Hoa: <i>Phương thảo liên thiên bích/Lê chi số điểm hoa</i> vào trong thơ mình. Chữ <i>điểm</i> làm cho cảnh vật thêm sinh động có hồn chứ không hề tĩnh tại.</p> <p>+ Chỉ với vài nét vẽ nghệ thuật cùng ngôn ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm, Nguyễn Du đã để lại cho đời một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân tuyệt đẹp. Ông xứng đáng được tôn vinh là cây bút miêu tả bậc thầy...</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p>
<p>2</p>		<p>Yêu cầu về kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết đúng thể loại văn tự sự. Người viết chủ yếu dùng phương thức biểu đạt tự sự, có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận để diễn tả làm tăng sức truyền cảm, hấp dẫn của truyện. - Bố cục rõ ràng, đủ ba phần: Mở bài (đưa dẫn kỷ niệm của mình với thầy hoặc cô giáo được chọn kể), thân bài (kể về diễn biến câu chuyện), kết bài (khép lại câu chuyện, bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất) - Biết sử dụng thích hợp các hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm . <p>Về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỷ niệm được chọn kể phải sâu sắc và mang ý nghĩa tích cực, có tác động giáo dục đối với mọi người, nhất là đối với lứa tuổi học trò. 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

		<p>- Truyện tạo được tình huống và cốt truyện hấp dẫn, được đưa dẫn, được trình bày diễn biến và được kết thúc một cách tự nhiên. Nhân vật thể hiện những hành vi, cử chỉ, điệu bộ, tâm lí phù hợp với tình huống truyện, thực sự trở thành linh hồn của truyện, tỏa sáng chủ đề tư tưởng của truyện.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Điểm 3 – 3,5: Hiểu đề, đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng như trên.</p> <p>Điểm 2 - 2,75: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu trên, có thể mắc một vài lỗi nhỏ.</p> <p>Điểm 1-1,75: Đáp ứng được 1/2 yêu cầu của đề, có thể mắc một vài lỗi nhỏ.</p> <p>Điểm 0,25 – 0,75: Bài viết còn sơ sài, mắc nhiều lỗi điển đạt.</p> <p>Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề.</p>	1,5
--	--	---	-----

ĐỀ SỐ 23

I. Phần đọc - hiểu: 5 điểm

Câu 1 (1 điểm): Chủ đề chính của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long là gì?

Câu 2 (1 điểm): Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận?

Câu 3 (1 điểm): Nội dung của văn bản "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng?

Câu 4 (2 điểm): Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu ở dưới:

"Lũ chúng tôi,
Bọn người tứ xứ
Gặp nhau hồi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi "một hai"
Súng bắn chưa quen,
Quân sự mươi bài,



*Lòng vẫn cười vui kháng chiến.
Lột sắt đường tàu,
Rèn thêm dao kiếm,
Áo vải chân không,
Đi lòng giặc đánh."*

("Nhớ" – Hồng Nguyên)

- Đoạn thơ trên được làm theo thể thơ nào?
- Đoạn thơ thể hiện nội dung gì?
- Từ đoạn thơ em nhớ đến bài thơ nào, của ai mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9?

II. Phần tạo lập văn bản: 5 điểm

Câu 5 (5 điểm): Tưởng tượng em được gặp gỡ nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân và trò chuyện cùng ông về những ngày tháng đi tản cư. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.

Đáp án

Câu 1: Nêu được chủ đề của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long: Ca ngợi những con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

Câu 2: Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận:

- Xây dựng được những hình ảnh đẹp, tráng lệ
- Âm hưởng khỏe khoắn, sôi nổi, phối phối như giai điệu của một bài hát
- Sự gieo vần ngắt nhịp linh hoạt, vần bằng tạo sự vang xa, bay bổng, vần trắc tạo sức mạnh vang dội.

Câu 3:

- Nội dung của văn bản "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng:
- Thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.

Câu 4:

- Đoạn thơ trên được làm theo thể thơ: Tự do



b, Nội dung: Đoạn thơ thể hiện hình ảnh người chiến sĩ trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn gian khổ.

c, Từ đoạn thơ em nhớ đến bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu

Câu 5

A. Về nội dung các phần bài viết

1. Mở bài: HS biết tạo tình huống gặp gỡ với nhân vật ông Hai (thời gian, không gian, địa điểm, nhân vật.) một cách hợp lí, hấp dẫn.

2. Thân bài

- Trò chuyện về hoàn cảnh khiến ông Hai phải đi tản cư; niềm hãnh diện, tự hào, nỗi nhớ làng da diết và sự quan tâm đến cuộc kháng chiến của ông Hai khi ở nơi tản cư.
- Trò chuyện để thấy được diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc từ đó bộc lộ rõ tình yêu làng sâu sắc hòa quyện thống nhất với tình yêu nước của ông Hai:
 - Từ sự bàng hoàng sửng sờ khi mới nghe tin đến cảm giác xấu hổ, lo lắng, buồn bã, chán nản rồi trở thành nỗi ám ảnh thường xuyên nặng nề khiến ông Hai vô cùng đau đớn khổ sở.
 - Tiếp theo là tình thế bế tắc, tuyệt vọng của ông khi bị đuổi đi, sự đấu tranh nội tâm của ông giữa đi nơi khác hay trở về làng qua đó làm rõ được tình yêu nước rộng lớn, bao trùm lên tình yêu làng quê của ông Hai.
 - Lời tâm sự của ông Hai với đứa con út thể hiện tấm lòng thủy chung son sắt của ông với cách mạng, với kháng chiến.
 - Trò chuyện để thấy được tâm trạng vui sướng vô bờ của ông Hai khi tin làng theo giặc được cải chính.

Chú ý: Hình thức của bài văn là một cuộc trò chuyện nên lời đối thoại phải tự nhiên, linh hoạt, không gượng ép; văn phong trong sáng, giàu tính biểu cảm; sử dụng kết hợp các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm để khắc họa rõ nét diễn biến tâm trạng của nhân vật...

3. Kết bài: Ấn tượng, cảm xúc và suy nghĩ của bản thân sau cuộc trò chuyện.

B. Về hình thức

HS viết một bài văn với đủ ba phần, các ý trong thân bài sắp xếp hợp lí, chữ viết rõ ràng, có thể mắc một số ít lỗi chính tả.

ĐỀ SỐ 24



I/ Phần đọc - hiểu: (4 điểm)

Đọc đoạn văn bản dưới đây, khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng.

"Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, lên lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm, chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:

Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!..."

(Làng, Kim Lân)

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào?

- A. Ngôi thứ nhất số nhiều.
- B. Ngôi thứ nhất số ít.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Ngôi thứ nhất.

Câu 2. Từ nào là từ Hán Việt?

- A. nhục nhã
- B. ngờ ngợ
- C. tinh thần
- D. trẻ con

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích?

- A. Tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai khi nghe tin làng Dầu theo giặc.
- B. Tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai khi nghe tin người ta đuổi người làng Dầu.
- C. Tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai khi phải rời làng Dầu đến nơi tản cư.
- D. Tâm trạng đau đớn của ông Hai khi ra khỏi phòng thông tin.

Câu 4. Văn bản nào cùng thể loại với tác phẩm "Làng"?



A. Đồng chí

C. Lặng lẽ Sa Pa

B. Mùa xuân của tôi

D. Phong cách Hồ Chí Minh

Câu 5. Cho hai câu thơ:

*"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim"*

Cho biết hai câu thơ trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai? Phát hiện biện pháp nghệ thuật có trong hai câu thơ trên?

Viết một đoạn văn (5 - 7 câu) nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy. Từ nội dung hai câu thơ trên em có suy nghĩ gì về người lính trong giai đoạn hiện nay?

II. Phần tạo lập văn bản

Câu 6: Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại truyện ngắn *"Chiếc lược ngà"* của Nguyễn Quang Sáng, từ khi ông Sáu về thăm nhà. (Cần có sự kết hợp miêu tả nội tâm và nghị luận)

Đáp án

Câu 1 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án C
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 2 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án C
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 3 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án A
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Câu 4 (0,25 điểm)

- Mức tối đa: Phương án C
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời



Câu 5 (3,0 điểm)

a.

- Mức tối đa: (0,5đ)
Nêu đúng tên tác phẩm : Bài thơ về tiểu đội xe không kính (0,25)
Nêu đúng tên tác giả: Phạm Tiến Duật (0,25)
- Mức chưa tối đa (0,25đ) Trả lời được một trong hai ý trên
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

b. Ý 1

- Mức tối đa: (0,5đ)
Phát hiện và chỉ rõ biện pháp nghệ thuật:
Hoán dụ: hình ảnh "trái tim"
- Mức chưa tối đa (0,25đ) Trả lời được một trong hai ý trên
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Ý 2.

- Hình thức: (0,25đ)

- Đúng hình thức đoạn văn, đủ số câu quy định,
- Diễn đạt lưu loát, trình bày rõ ràng

- Nội dung:

- Mức tối đa: (1,25đ) Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ
Hoán dụ: hình ảnh "trái tim" chỉ những người lính lái xe Trường Sơn
Ý chí quyết tâm chiến đấu chiến thắng kẻ thù và cháy bỏng khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước
Hình ảnh trái tim trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của người lính Việt Nam, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.
- Mức chưa tối đa (0,75đ) Trả lời được hai trong ba ý trên
- Mức không đạt: Lựa chọn phương án khác hoặc không trả lời

Ý 3. (0,5đ)

- Tùy theo mức độ của người viết đề giáo viên cho điểm cho phù hợp
- Mức không đạt: Không làm bài hoặc lạc đề.

Câu 6: (6,0 điểm)



* Tiêu chí về nội dung các phần bài viết (4,5 điểm)

1. Mở bài (0,5 điểm)

- Mức tối đa: HS biết giới thiệu về nhân vật tôi và cuộc gặp gỡ với cha một cách hấp dẫn/ấn tượng/có sự sáng tạo
- Mức chưa tối đa (0,25): HS biết giới thiệu chung về nhân vật tôi và cuộc gặp gỡ với cha phù hợp nhưng chưa hay/ còn mắc lỗi về diễn đạt, dùng từ
- Không đạt: Lạc đề/ mở bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về các kiến thức đưa ra /hoặc không có mở bài

2. Thân bài (3,5 điểm)

- Mức tối đa:

Hôm ấy tôi đang chơi trước nhà thì có người đàn ông lạ (mặt có vết sẹo trông dễ sợ) chạy đến xưng "ba" và định bế tôi. Lúc đầu tôi ngạc nhiên, sau đó là hoảng hốt, bỏ chạy, cầu cứu (chú ý độc thoại nội tâm).

Trong ba ngày tiếp theo tôi rất khó chịu vì người đàn ông lạ này ở nhà tôi, bức nhất là việc má tôi buộc tôi phải gọi người ấy bằng ba (kể lại các tình tiết thể hiện hành động phản ứng: gọi trống, hắt trứng cá, bỏ về ngoại đúng theo cốt chuyện - chú ý độc thoại nội tâm).

Tối ấy tôi được bà ngoại giảng giải mới hiểu được người ấy chính là ba tôi (kể lại các chi tiết khi trò chuyện với bà đúng theo cốt chuyện). Lúc này tôi rất thương ba, tôi hối hận vì đối xử tệ với ba, tôi không ngủ được, mong trời mau sáng để về gặp ba (chú ý HS cần thể hiện được nội tâm bé Thu, đại loại như thế).

Sáng hôm sau, tôi về nhà rất sớm, ba má tôi bận rộn chuẩn bị đồ đạc và tiếp bà con, hàng xóm... Tôi không có cơ hội làm lạnh với ba, đành nép vào một góc quan sát và chờ đợi (thể hiện nội tâm). Đến khi bắt gặp ánh mắt của ba tìm tôi (có miêu tả ánh mắt và cảm nhận), tôi đã không kìm nén được, tôi gọi b..a.. và chạy ulla tới (kể theo cốt chuyện các biểu hiện thể hiện tình cảm sâu sắc, cảm động) ...

Biết ba chuẩn bị lên đường, tôi đã tìm mọi cách giữ ba lại.

Khi biết ba tôi không thể ở nhà được, tôi chấp nhận để ba đi và yêu cầu ba khi về mua cho tôi chiếc lược.

- Mức chưa tối đa (1,5 điểm): Chỉ đảm bảo được một số nội dung trong số các nội dung trên
- Không đạt: Không làm bài hoặc lạc đề

3. Kết bài (0,5 điểm)

- Mức tối đa: Khép lại câu chuyện (HS có thể khép lại câu chuyện bằng những tình tiết khác nhau, miễn sao tự nhiên, hợp lý; ưu tiên những kết bài sáng tạo, ấn tượng).
- Mức chưa tối đa (0,25 điểm): Khép lại câu chuyện nhưng chưa sáng tạo, ấn tượng.



- Không đạt: Kết bài không đạt yêu cầu, sai cơ bản về các kiến thức đưa ra hoặc không có kết bài

* Tiêu chí hình thức (1 điểm)

- Mức tối đa: HS viết một bài văn với đủ ba phần, các ý trong thân bài sắp xếp hợp lí, chữ viết rõ ràng, có thể mắc một số ít lỗi chính tả.
- Không đạt: HS chưa hoàn thiện bố cục bài viết (ví dụ thiếu kết bài) hoặc các ý trong phần thân bài chưa chia tách hợp lí hoặc chữ viết xấu, không rõ ràng, mắc nhiều lỗi chính tả.

* Sáng tạo: Thường điểm cho bài viết sáng tạo, có ý tưởng hay, độc đáo, phù hợp (0,5đ)

ĐỀ SỐ 25

Câu 1: (1 điểm)

a) Kể tên các phương châm hội thoại đã học?

b) Giải thích nghĩa của thành ngữ: "*Lúng búng như ngậm hột thị*" và cho biết thành ngữ đó liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 2: (1 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Tà tà bóng ngả về Tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

a) Xác định các từ láy có trong đoạn trích?

b) Tác dụng của các từ láy đó?

Câu 3: (2 điểm)

Trình bày ngắn gọn cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong khổ thơ cuối bài thơ "*Đồng Chí – Chính Hữu*"



Câu 4: (6 điểm)

Nhân ngày 20 tháng 11, hãy kể lại những kỉ niệm sau sắc của em với thầy của em với thầy, cô giáo cũ.

Đáp án

Câu 1:

a) Học sinh trả lời đúng 2, 3 phương châm cho 0,25 điểm, từ 4 – 5 phương châm cho 0,5 điểm.

b) Thành ngữ "Lúng búng như ngậm hột thị" dùng để chỉ cách nói ấp úng, không thành lời, không rành mạch. (0,25 điểm)

Thành ngữ này liên quan đến phương châm cách thức. (0,25 điểm).

Câu 2:

a) Học sinh xác định đủ các từ láy: Tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ. (0,5 điểm) thiếu 2 từ trừ 0,25 điểm.

b) Các từ láy ngoài việc tả cảnh còn bộc lộ tâm trạng nhân vật. (0,5 điểm)

Câu 3:

Học sinh cảm nhận ngắn gọn về tình đồng chí gắn bó keo sơn giữa khung cảnh thời tiết khắc nghiệt trong cảnh chờ giặc đến.

Học sinh có cách diễn đạt mạch lạc về bức tranh ở cuối bài.

* Giáo viên tùy mức độ cảm nhận cho điểm cho phù hợp.

Câu 4: 6 điểm.

* Yêu cầu: Học sinh biết cách kể chuyện có miêu tả nội tâm kể lại kỉ niệm sâu sắc giữa mình và thầy, cô giáo cũ.

I/ Mở bài: 1 điểm.

Giới thiệu câu chuyện.

II/ Thân bài: 4 điểm.



- Kể lại nội dung câu chuyện
- Kỷ niệm đã có là gì?
- Kỷ niệm sâu sắc như thế nào? Diễn biến ra sao?

III/ Kết bài:

Cảm nghĩ của em khi nhớ lại kỷ niệm đó.

* Văn viết mạch lạc, cốt truyện phù hợp, diễn biến linh hoạt, chú ý những bài văn có cách kể sáng tạo.

ĐỀ SỐ 26

Câu 1: (2,0 điểm) Ca dao có câu:

*"Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".*

Câu ca dao trên khuyên chúng ta điều gì? Điều đó liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 2: (2,0 điểm) Trong bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy, hình ảnh vầng trăng mang nhiều tầng ý nghĩa. Hãy chỉ ra các tầng ý nghĩa ấy.

Câu 3: (6,0 điểm) Kể lại cuộc gặp gỡ tưởng tượng với những chiến sĩ lái xe trong bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

Đáp án

Câu 1: Cho 2,0 điểm khi đạt được các ý sau:

- Câu ca dao đã đưa ra lời khuyên: trong giao tiếp, chúng ta nên dùng những lời lẽ lịch sự, nhã nhặn (1,0 điểm).
- Câu ca dao liên quan đến phương châm lịch sự. (1,0 điểm).

Câu 2: Cho 2,0 điểm khi đạt được các ý sau:

- Biểu tượng của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát (0,5 điểm)
- Biểu tượng của vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống (0,5 điểm)
- Biểu tượng của quá khứ nghĩa tình (1,0 điểm).

Câu 3:



1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Bài làm cần kết hợp sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả và miêu tả nội tâm.
- Có kỹ năng làm một bài văn tự sự, kết cấu chặt chẽ, hành văn trôi chảy, diễn đạt tốt, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả, dùng từ.

2. Yêu cầu về nội dung:

Đây là một bài văn kể chuyện sáng tạo. Câu chuyện xây dựng dựa trên nhân vật trong một bài thơ đã học. Vì vậy người viết vừa phải tưởng tượng, vừa phải bám sát nội dung bài thơ để xây dựng được một câu chuyện hợp lí. Bài làm có thể trình bày theo nhiều hướng khác nhau nhưng cần làm nổi bật những ý cơ bản sau:

a. Mở bài: Tạo tình huống cho cuộc gặp gỡ (đi thăm gia đình thương binh; thăm bảo tàng quân đội; thăm nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn...)

b. Thân bài: Cần kể làm nổi bật 2 ý chính:

Tính chất gian khổ, khốc liệt mà những người lính lái xe Trường Sơn phải chịu đựng trong những ngày chống Mỹ cứu nước (qua hình ảnh những chiếc xe ngày càng méo mó, biến dạng...).

Những phẩm chất cao đẹp của người lính, cần kể về:

- Tư thế ung dung, hiên ngang.
- Tinh thần dũng cảm, thái độ bất chấp khó khăn.
- Tinh thần đồng đội.
- Ý chí chiến đấu vì miền Nam.

c. Kết bài:

- Kết thúc câu chuyện.
- Suy nghĩ về thế hệ cha anh, về người lính, về trách nhiệm của bản thân.

BIỂU ĐIỂM

Điểm 6,0:

- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, bố cục mạch lạc, văn viết trôi chảy, có cảm xúc, cốt truyện chặt chẽ, các chi tiết hợp lý, không mắc lỗi diễn đạt, mắc dưới 3 lỗi chính tả. Bài sạch, chữ đẹp.
- Biết kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm phù hợp, tự nhiên.
- Biết vận dụng các hình thức: đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.



Điểm 5,0:

- Bài làm có đủ bố cục 3 phần, rõ ràng, cân đối.
- Có từ 2/3 các ý trong đáp án trở lên.
- Biết kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm phù hợp, tự nhiên.
- Mắc không quá 5 lỗi chính tả, diễn đạt.
- Biết vận dụng các hình thức: đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.
- Bài sạch, chữ viết rõ ràng.

Điểm 3,0 - 4,0:

- Bài làm có đủ bố cục 3 phần.
- Có ít nhất 1/2 các ý trong đáp án.
- Có kết hợp yếu tố nghị luận và miêu tả nội.
- Mắc không quá 8 lỗi chính tả, diễn đạt.
- Có sử dụng các hình thức: đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm

Điểm 1,0 - 2,0: Bài làm sơ sài, diễn đạt yếu, chưa biết kết hợp các yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm.

Điểm 0: Bài bỏ giấy trắng hoặc có viết vài câu không rõ nghĩa.

ĐỀ SỐ 27

Phần 1 (7 điểm) Đọc đoạn thơ sau:

"Thuyền ta lái gió với buồm trắng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Giàn đan thế trận lưới vây giăng

Cá nhụ cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc

Đêm thờ sao lùa nước Hạ Long"



(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGDVN)

1. Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?
2. Hình ảnh "buồm trắng" trong câu thơ, theo em là ẩn dụ hay hoán dụ?
3. Dựa vào đoạn thơ trên, viết một đoạn văn ngắn diễn dịch (đánh số thứ tự từng câu) trong đó có sử dụng một câu ghép có quan hệ bổ sung và một phép thế trình bày về khí thế của người lao động và vẻ đẹp của thiên nhiên.
4. Trong bài thơ khác mà em đã học ở lớp 9 có một hình ảnh lãng mạn được xây dựng trên cơ sở quan sát như hình ảnh "buồm trắng". Hãy chép lại câu thơ đó, nêu tên tác giả và tác phẩm.

Phần 2 (3 điểm) Trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" có câu:

"Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm"

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGDVN)

1. Những câu thơ trên cho thấy nỗi nhớ của Kiều với ai? Chép chính xác đoạn thơ nói về nỗi nhớ người thân đó? Qua nỗi nhớ đó chứng tỏ phẩm chất gì của Kiều?
2. Chỉ ra các điển tích trong hai câu thơ trên? Em hiểu ý nghĩa của các điển tích đó như thế nào?

Đáp án

Phần 1 (7đ):

Câu 1:

- Đoạn thơ trên có trong bài "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận.
- Hoàn cảnh: Bài thơ được viết năm 1958. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài thơ là kết quả của chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của tác giả.

Câu 2:

Hình ảnh "Buồm trắng" là ẩn dụ.

Giải thích:



- Hình ảnh ẩn dụ "buồm trắng" được xây dựng trên sự quan sát rất thực và sự cảm nhận lãng mạn của nhà thơ Huy Cận.
- Từ xa nhìn lại, trên biển có lúc thuyền đi vào khoảng sáng của vầng trăng. Trăng và cánh buồm chập vào nhau, trăng trở thành cánh buồm.
- Vẻ đẹp thiên nhiên làm nhòa đi cánh buồm vất vả, cũ kĩ -> đây là công việc nhẹ nhàng, lãng mạn. – Con người và vũ trụ hòa hợp.

Câu 3:

Hình thức:

- Đúng hình thức đoạn văn diễn dịch, đủ số câu, có đánh số thứ tự câu
- Có sử dụng câu ghép quan hệ bổ sung, phép thế, chỉ rõ

Nội dung: hs cần làm rõ các ý cơ bản sau:

- Thuyền có lái có buồm. Thuyền lướt đi trong đêm không phải bằng sức mạnh của con người mà bằng sức mạnh của câu hát, gió, trăng. Động từ "lướt" đặc tả vận tốc của đoàn thuyền. Thuyền như lướt đi, như bay lên. Hình ảnh ẩn dụ "buồm trắng" gợi liên tưởng thú vị. Vào đêm trăng sáng ánh trăng chiếu xuống mặt nước, vào một lúc nào đó ánh trăng và cánh buồm chập lại làm một tạo thành hình ảnh buồm đắm ánh trăng.
- Chủ nhân của con thuyền- người đánh cá cũng trở nên lờ mờ giữa biển trời trong tư thế làm chủ. Biển thu hẹp để con người "ra đậu dặm xa", "dò bụng biển" tìm tòi khám phá. Họ đang hoàng ra những nơi xa đánh cá. Công việc đánh cá được so sánh với công việc đánh trận.
- Qua đó cho thấy khí thế lao động khẩn trương, hình ảnh con người và thiên nhiên hòa nhập làm một. Tất cả được cảm nhận bằng hồn thơ lãng mạn của tác giả.

Câu 4: Một hình ảnh cũng được xây dựng trên cơ sở quan sát đó là: "Đầu súng trăng treo" trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu.

Phần 2 (3 điểm)

Câu 1:

Những câu thơ trên cho thấy nỗi nhớ của Kiều với cha, mẹ.

Chép chính xác:

"Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?



Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm"

Qua đó cho thấy Kiều là người hiếu thảo, vị tha

Câu 2:

Các điển tích: Sân Lai, gốc tử

Ý nghĩa:

- Sân Lai: sân nhà lão Lai Tử, đây chỉ sân nhà cha mẹ Thúy Kiều. (Theo Hiếu từ truyện: Lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu rất có hiếu, tuy đã già mà còn nhảy múa ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ).
- Gốc tử: gốc cây tử

ĐỀ SỐ 28

I. Trắc nghiệm khách quan (2 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau.

Câu 1: Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến của các sự việc trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du?

- A. Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạc.
- B. Gia biến và lưu lạc - Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ.
- C. Gặp gỡ và đính ước - Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ.
- D. Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước.

Câu 2: Chi tiết nào sau đây không chứa yếu tố truyền kỳ?

- A. Phan Lang một đêm chiêm bao thấy người con gái áo xanh đến kêu xin tha mạng.
- B. Được người phường chài biếu một con rùa mai xanh, Phan Lang sực nghĩ đến chuyện nằm mộng thả rùa.
- C. Thấy Phan Lang dạt vào một cái động rùa ở hải đảo, được người đàn bà là Linh Phi cứu sống.



- A. Ca ngợi những con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.
- B. Trân trọng những khát khao sáng tạo trong nghệ thuật.
- C. Ca ngợi anh thanh niên dũng cảm một mình dám sống và làm việc trên đỉnh núi Yên Sơn.
- D. Đề cao bản lĩnh của mỗi người trong việc lựa chọn con đường đi của mình trong cuộc sống.

II. Tự luận (8 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Trong bài thơ Đồng chí (Văn 9, T1), vì sao nhà thơ Chính Hữu tách hai từ "Đồng chí" ra thành một dòng thơ riêng kèm theo dấu chấm than?

Câu 2: (6 điểm)

Câu chuyện cảm động về một người thân của em.

Đáp án**I. Phần trắc nghiệm: 2 điểm (Mỗi phương án trả lời đúng cho 0,25 điểm)**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	A	D	B	C	B	A

II. Phần tự luận: 8 điểm

Câu 1: (2 điểm) Học sinh trình bày, lý giải được việc Chính Hữu tách hai từ "Đồng chí" ra thành một câu thơ riêng kèm theo dấu chấm than:

- Nhấn mạnh tình cảm mới do cách mạng mang đến, đó là tình đồng chí đồng đội gắn bó, keo sơn (1 điểm).
- Thể hiện sự trân trọng của nhà thơ đối với tình cảm thiêng liêng ấy. (0,5 điểm)
- Câu thơ có tác dụng liên kết, nó khép lại ý thơ trước (những cơ sở của tình đồng chí) và mở ra ý thơ ở đoạn sau (những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí) (0,5 điểm)

Câu 2:

* Yêu cầu chung

- Làm đúng kiểu bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm
- Sử dụng tốt các hình thức ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong bài viết



- Xây dựng được tình huống truyện hợp lý, lôi cuốn người đọc qua đó bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc chân thành trong sáng.
- Bố cục rõ ràng, mạch lạc

* Yêu cầu cụ thể:

Mở bài: (0.5 điểm)

- Dẫn dắt và giới thiệu được tình huống gợi nhớ về người thân và câu chuyện (cần chỉ rõ người thân đó là ai? câu chuyện đó là gì?)

Thân bài: (5 điểm)

- Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự hợp lý: 2 điểm
Nêu được sự việc mở đầu,
Nêu được sự việc phát triển - cao trào
Nêu được sự việc kết thúc
- Kể lại được kỷ niệm sâu sắc nhất giữa mình và người thân, kỷ niệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với mình ở tại thời điểm đó và bây giờ: 1 điểm
- Trong quá trình kể kết hợp với yếu tố miêu tả, ngôn ngữ độc thoại, độc thoại nội tâm, yếu tố nghị luận để thể hiện tình cảm, suy nghĩ của mình về kỉ niệm với người thân: 2 điểm

Kết bài: (0.5 điểm) Bài học sâu sắc được rút ra từ câu chuyện, cảm xúc và suy nghĩ của em.

(Trên đây chỉ là những định hướng cơ bản, giáo viên khi chấm cần vận dụng linh hoạt vào thực tế bài làm của học sinh)

ĐỀ SỐ 29

Câu 1. (1 điểm)

Giải thích ý nghĩa của thành ngữ sau và cho biết thành ngữ đó có liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Dây cà ra dây muống

Câu 2. (2 điểm)

Cho đoạn thơ sau:



Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

a. Đoạn thơ trên thuộc tác phẩm nào? Của ai?

b. Từ trái tim trong câu thơ cuối đoạn thơ trên được dùng với nghĩa nào? Nêu ý nghĩa của hình ảnh trái tim? (không cần phân tích)

Câu 3. (2 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (6-8 câu) dùng câu văn sau làm lời dẫn trực tiếp:

Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ Tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, Người muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được và làm được.

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại).

Câu 4. (5 điểm)

Trong đời em, em đã mắc một lỗi lầm khiến em day dứt mãi. Em hãy kể lại lỗi lầm ấy?

Đáp án

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh. Linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm. Tùy theo mức độ sai phạm mà trừ điểm từng phần cho hợp lý, tuyệt đối tránh cách chấm đếm ý cho điểm một cách máy móc, khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi phần và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi. Làm tròn điểm số sau khi cộng điểm toàn bài (lê 0.25 làm tròn thành 0.5; lê 0.75 làm tròn thành 1.0).

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1. (1 điểm)

- Giải thích ý nghĩa: nói dài dòng, rườm rà. (0.5đ)



- Liên quan tới phương châm cách thức (0.5đ)

Câu 2. (2 điểm)

- a. Nêu đúng tên tác giả, tác phẩm. (1đ)
b. Từ trái tim trong câu thơ cuối cùng được hiểu theo nghĩa chuyển (1đ)

- Chỉ người lính lái xe
- Chỉ sự nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 3. (2 điểm)

- Học sinh có thể viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp ... nhưng cần nắm vững kỹ năng viết đoạn văn, biết viết đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp. Các câu có sự liên kết chặt chẽ, logic với ý câu được dẫn. Diễn đạt mạch lạc rõ ràng, văn viết có cảm xúc.
- Đảm bảo dung lượng từ 6 – 8 câu.

Câu 4. (5 điểm)

a. Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết viết một bài văn tự sự có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận.
- Bố cục rõ ràng, văn phong trong sáng, dùng từ đặt câu chính xác, chữ viết sạch sẽ, đúng chính tả.

b. Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có nhiều cách làm bài. Nhưng câu chuyện được kể phải là câu chuyện thật sự gây xúc động, ám ảnh người viết. Người viết phải có cảm xúc chân thực (buồn, đau khổ, hối hận ...). Bài viết có những suy ngẫm về lỗi lầm, về con người, về cuộc đời. Bài viết cần có những ý sau:

- Hoàn cảnh xảy ra lỗi lầm.
- Quá trình mắc lỗi.
- Tâm trạng sau khi mắc lỗi.
- Suy ngẫm của bản thân.

ĐỀ SỐ 30

I. Phần trắc nghiệm (2 điểm)



Câu 1: Ghi ra giấy chữ cái đầu của đáp án đúng:

1/ Truyện ngắn "Làng" của Kim Lân viết về đề tài gì?

- A. Người tri thức.
- B. Người phụ nữ
- C. Người nông dân
- D. Người lính.

2/ Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận được in trong tập thơ nào?

- A. Đất nở hoa.
- B. Trời mỗi ngày một sáng.
- C. Lửa thiêng
- D. Hương cây bếp lửa

3/ Chủ đề chính của truyện "Lặng lẽ Sa Pa" là gì?

- A. Ca ngợi những con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.
- B. Trân trọng những khát khao sáng tạo trong nghệ thuật.
- C. Nói lên quan niệm về hạnh phúc: hạnh phúc là phải biết hi sinh vì người khác và cống hiến hết mình cho sự nghiệp chung.
- D. Đề cao bản lĩnh của mỗi người trong việc lựa chọn con đường đi của mình trong cuộc sống.

4/ Trong câu thơ:

"Chỉ cần trong xe có một trái tim "

Có sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. So sánh.
- B. Hoán dụ
- C. Ẩn dụ.
- D. Nhân hóa

5/ Thành ngữ "nói nước đôi" có liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về lượng
- C. Phương châm lịch sự



B. Phương châm về chất

D. Phương châm cách thức

6/ Từ: ngọn" trong câu thơ nào sau đây được dùng với nghĩa gốc?

A. Lá bàng đang đỏ ngọn cây (Tố Hữu)

B. Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu (Bằng Việt)

C. Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng .(Bằng Việt)

D. Nghe ngọn gió phương này thổi sang phương ấy. (Chính Hữu)

Câu 2: Điền từ còn thiếu trong phần trích dưới đây

....., tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật, lời dẫn.....

II. Phần tự luận (8 điểm)

Câu 1: 2 điểm

"Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên (trình bày thành một đoạn văn khoảng 10 câu, trong đó có một câu hỏi tu từ. Gạch chân dưới câu hỏi tu từ đó)

Câu 2: (6 điểm)

Câu chuyện cảm động về một người thân đã đi xa

Đáp án

Câu 1 (1,5 điểm) Xác định đúng mỗi phương án trả lời được 0,25 điểm



Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	A	B	D	A

Câu 2:

Điền đúng mỗi từ được 0.25 điểm

Các từ: Dẫn trực tiếp, trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép

II. Phần tự luận (8 điểm)**Câu 1:**

*Viết đúng hình thức đoạn văn, đúng số câu quy định, bố cục chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, văn viết có hình ảnh. 0,25 điểm

*Viết được câu hỏi tu từ, gạch chân câu hỏi tu từ đó. 0,25 điểm

* Nêu được cảm nghĩ về đoạn thơ.có thể là những ý sau: 1,5 điểm

- Là khổ thơ hay nhất bài thơ.
- Hai câu đầu miêu tả hiện thực ác liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh của những chiếc xe không kính. Phép liệt kê, điệp từ "không" được nhắc lại nhiều lần tô đậm hoàn cảnh thiếu thốn khó khăn...
- Hai câu cuối sử dụng nghệ thuật tương phản khắc hoạ hình ảnh người chiến sĩ lái xe với tư thế hiên ngang bất chấp khó khăn gian khổ quyết tâm chiến đấu giải phóng Miền Nam. Câu thơ cuối là câu thơ hay nhất bật sang chủ đề bài thơ, hình ảnh hoán dụ "trái tim" diễn tả tình yêu đất nước, lý tưởng chiến đấu vì Miền Nam ruột thịt của người chiến sĩ lái xe.
- Khổ thơ trên thể hiện chiều sâu triết lí: sức mạnh của con người, của một dân tộc không phải ở những vũ khí tối tân hiện đại mà ở tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm của chính họ.

Câu 2

* Yêu cầu chung

- Làm đúng kiểu bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm
- Sử dụng tốt các hình thức ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong bài viết
- Xây dựng được tình huống truyện hợp lý, lời cuốn người đọc qua đó bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc chân thành trong sáng
- Bố cục rõ ràng



Mở bài: (0.5 điểm)

Dẫn dắt và giới thiệu được tình huống gợi nhớ về người thân và câu chuyện (cần chỉ rõ người thân đó là ai, câu chuyện đó là gì). (0.5 điểm)

Thân bài

Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự hợp lí: 2 điểm

- Nêu được sự việc mở đầu,
- Nêu được sự việc phát triển – cao trào
- Nêu được sự việc kết thúc
- Trong quá trình kể kết hợp được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, sử dụng linh hoạt các hình thức ngôn ngữ để thể hiện tình cảm của mình, của người thân trong câu chuyện. 0.5 điểm

Kể lại được kỷ niệm sâu sắc nhất giữa mình và người thân: 2 điểm

- Đó là kỉ niệm nào
- Kỉ niệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với mình ở tại thời điểm đó và bây giờ.

Trong quá trình kể kết hợp với yếu tố miêu tả, ngôn ngữ độc thoại, độc thoại nội tâm, yếu tố nghị luận để thể hiện tình cảm, suy nghĩ của mình về kỉ niệm với người thân. 0.5 điểm

Kết bài: 0.5 điểm

Bài học sâu sắc được rút ra từ câu chuyện đó

ĐỀ SỐ 31

Câu 1 (1,0 điểm) Giải thích ý nghĩa và cho biết các thành ngữ sau liên quan đến các phương châm hội thoại nào.

- nói nhăng nói cuội
- mồm loa mép giải
- nói ra đầu ra đũa
- ăn cho nên đọi (tô), nói cho nên lời

Câu 2 (1,0 điểm) Từ "thu" có các nghĩa: một mùa trước mùa đông, góp vào, rút ra. Cho biết nghĩa của yếu tố "thu" trong các từ sau:



Trụ thu, thu thanh, (tết) trung thu, tịch thu, thu nhập, mùa thu, thu hoạch, thu hồi.

Câu 3 (1,5 điểm)

Nêu tên, bút danh, tác phẩm chính của 2 tác giả là người địa phương Tiền Giang có sáng tác được công bố sau năm 1975 mà em biết. Chép lại một tác phẩm (thơ, văn) của một tác giả người Tiền Giang mà em yêu thích.

Câu 4 (1,5 điểm)

Chép chính xác những câu thơ miêu tả cảnh chị em Kiều đi du xuân trở về. Cho biết những câu thơ trên trích trong văn bản nào, nằm ở vị trí nào của tác phẩm Truyện Kiều?

Câu 5 (5,0 điểm)

Em hiểu như thế nào về câu nói sau: "Đừng đổ lỗi cho số phận. Mỗi điều rủi ro bạn gặp phải đều có nguyên nhân từ chính bạn" (P.Pốt-te)

Hãy kể một câu chuyện của bản thân có liên quan đến nội dung của câu nói trên

(Bài làm có kết hợp yếu tố miêu tả nội tâm)

Đáp án

Câu 1: Mỗi thành ngữ đúng (0,25đ)

- a. nói nhăng nói cuội: nói nhảm nhí vu vơ (p/ về chất)
- b. mồm loa mép giải: nói nhiều, ngoa ngoắt (p/c lịch sự)
- c. nói ra đầu ra đũa: nói rõ ràng, có đầu có cuối (p/c cách thức)
- d. ...nói cho nên lời: khuyên người nói: nói cho hết ý, rõ ý, không nói mập mờ (p/c cách thức)

Câu 2: Mỗi từ chọn đúng (0,25đ)

- Mùa thu, (tết) trung thu (mùa trước mùa đông)
- Trụ thu, thu hồi, tịch thu (rút ra)
- Thu nhập, thu hoạch, thu thanh (góp vào)

Câu 3:

- Nêu đúng, đủ yêu cầu đề (1đ)



- Chép đúng bài thơ (0,5đ)

Câu 4:

- Chép chính xác 6 câu thơ cuối: "Tà tà.... bắc ngang"
- Sai, thiếu 1 từ /một dòng trừ 0,25đ
- Chép thiếu 2 dòng: 00,0đ
- Nêu đúng tên VB: Cảnh ngày xuân (0,25đ), sau đoạn trích Chị em Thúy Kiều (0,25đ)

Câu 5:

Yêu cầu chung

HS nắm được vấn đề, nắm thể loại

Giải thích đúng câu nói:

- Điều rủi ro là cái không may mắn, không thuận theo ý muốn; là sự thất bại, không đạt được mục đích....
- Đúng trước sự thất bại ta thường đổ lỗi cho số phận: như vậy ta sẽ thấy nhẹ lòng, buông xuôi cho số phận. Điều đó hoàn toàn không đúng.
- Tất cả những rủi ro ta gặp phải đều có nguyên nhân từ chính mình. Thành công hay thất bại của ta là do ta quyết định .
- Kể một câu chuyện của bản thân có liên quan

Biểu điểm:

- 4,0-5,0đ: Đáp ứng hầu hết các yêu cầu trên, diễn đạt tốt, có yếu tố nội tâm phù hợp.
- 2,5-3,0đ: Đáp ứng được 2 yêu cầu của đề, diễn đạt còn vụng nhưng tỏ ra hiểu được vấn đề

Tùy theo bài làm của HS để đánh giá

ĐỀ SỐ 32

Câu 1 (2,0 điểm)

Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau bằng một đoạn văn:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*



Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc.

Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

(Huy Cận, Đoàn thuyền đánh cá)

Câu 2 (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy".

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

a) Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai? Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích?

b) Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm em vừa xác định?

c) Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật "anh" "đau đớn". Vì sao vậy? Hãy lí giải bằng một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 4 câu).

Câu 3 (5,0 điểm)

Suy nghĩ của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của Kim Lân.

ĐÁP ÁN

Câu 1: (2đ)

Về kĩ năng: Học sinh biết viết thành đoạn văn. Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, thuyết phục.

Về nội dung kiến thức: Học sinh cần trình bày các ý sau:

- Nghệ thuật liệt kê: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song để làm nổi bật sự đa dạng và giàu có của biển.
- Nghệ thuật so sánh: cá song lấp lánh đuốc đen hồng khiến biển đêm lung linh huyền ảo đầy sức sống.
- Nghệ thuật nhân hóa ở hai câu thơ cuối (cái đuôi em quẫy, đêm thở, sao lùa) không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp của biển đêm mà còn làm cho biển trở lên gần gũi, có hồn.



=> Các biện pháp nghệ thuật trên đã làm nổi bật sự giàu có và đẹp đẽ của biển, biển đêm hiện lên như một bức tranh lung linh, rực rỡ, đầy màu sắc. Nó được vẽ lên bằng trí tưởng tượng, sự lãng mạn bay bổng và tâm hồn yêu mến biển của Huy Cận

Biểu điểm:

- Điểm 2: Viết đúng đoạn văn, đủ ý, sáng tạo, diễn đạt lưu loát.
- Điểm 1: Đảm bảo 1/2 số ý, còn mắc lỗi diễn đạt.
- Điểm 0,5: Cảm nhận chưa đúng hướng, mắc nhiều lỗi diễn đạt,
- Điểm 0: Bài làm lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp.

(HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng đủ ý vẫn cho điểm tối đa)

Câu 2:

a)

- Đoạn văn trên được rút từ tác phẩm "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng (Nêu đúng tên tác phẩm được 0,25; tên tác giả: 0,25 điểm)
- Hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích là anh Sáu và bé Thu (Nêu đúng tên mỗi nhân vật được 0,25 điểm)

b) Tác phẩm "Chiếc lược ngà" được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta đang diễn ra ác liệt. (1,0đ)

c) Nội dung: HS nêu được các lí do:

- Ông Sáu đi chiến đấu xa nhà đã lâu, nay ông được về thăm nhà, khao khát đốt cháy lòng ông là được gặp con, được nghe con gọi tiếng "ba" để được ôm con vào lòng và sống những giây phút hạnh phúc bấy lâu ông mong đợi.
- Nhưng thật éo le, con bé không những không nhận ông là ba mà còn tỏ thái độ rất sợ hãi. Chính điều đó đã khiến ông hụt hẫng và đau đớn tột cùng.

(Lí giải đúng mỗi ý được 0,5 điểm. – HS có thể diễn giải theo nhiều cách nhưng đúng ý, hiểu đúng vấn đề vẫn cho điểm tối đa)

Câu 3:

Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh biết vận dụng các kĩ năng nghị luận để làm thành một bài tập làm văn nghị luận về một nhân vật văn học.
- Đối tượng nghị luận: Nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng".



- Bố cục ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài
- Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, trau chuốt, văn viết có cảm xúc chân thành, biết phân tích, đánh giá để làm nổi bật các đặc điểm của nhân vật, triển khai các luận điểm phù hợp.

Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Giới thiệu chung về nhân vật ông Hai

2. Thân bài:

a. Ông Hai là một người yêu làng sâu sắc:

- Ông Hai là một người nông dân ở làng chợ Dầu, ông luôn tự hào và hay khoe về làng (khoe phong cảnh đẹp, tinh thần kháng chiến của làng...). Ông tình nguyện ở lại chiến đấu bảo vệ làng. Khi phải đi tản cư, ông luôn nhớ về làng, nhớ anh em đồng chí (dẫn chứng)
- Khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc: ông đau khổ, dằn vặt, tủi nhục đau đớn, xấu hổ không dám nhìn ai, lo sợ bị người ta bài trừ, không chứa; ruột gan cứ rối bời, không khí gia đình nặng nề, u ám... (dẫn chứng, phân tích)
- Khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc được cải chính, ông vui sướng, hạnh phúc đi khoe khắp nơi, khoe khắp nơi nhà mình bị tây đốt, kể về làng Chợ Dầu quê hương ông một cách say sưa và náo nức lạ thường. (dẫn chứng, phân tích)

b. Tình yêu làng của ông Hai thống nhất với tình yêu đất nước, trung thành với CM và lãnh tụ

- Ở nơi tản cư, ông luôn tìm và nghe tin tức kháng chiến
- Ông căm thù bọn bán nước. Khi biết tin làng mình theo giặc, ông Hai đã đưa ra quyết định đầy khó khăn nhưng dứt khoát "làng thì yêu thật nhưng làng theo tây mất rồi thì phải thù"...
- Điều này cho thấy tình yêu làng quê đã gắn liền với tình yêu Tổ quốc. Tình yêu nước bao trùm tình yêu làng...
- Trung thành tuyệt đối với cách mạng, với lãnh tụ (qua lời tâm sự với đứa con)

Với mỗi đặc điểm của nhân vật, HS cần lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu và phân tích đánh giá.

c. Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

- Tạo tình huống truyện hấp dẫn để nhân vật bộc lộ tính cách
- Miêu tả tinh tế diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai
- Ngôn ngữ nhân vật đặc sắc, giàu tính khẩu ngữ...



d. Đánh giá:

- Ở nhân vật ông Hai, tình yêu làng gắn bó thống nhất với tình yêu nước, với tinh thần kháng chiến. Đây chính là nét chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân sau cách mạng tháng Tám
- Nhân vật ông Hai là hình tượng tiêu biểu cho tình cảm yêu làng, yêu nước của người nông dân VN sau cách mạng tháng tám. Đây là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, bền vững, có sức mạnh lớn để đất nước ta tạo nên sức mạnh đoàn kết, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

3. Kết bài

- Khái quát lại đặc điểm nhân vật
- Khẳng định thành công của tác phẩm; nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc của tác giả.

Biểu điểm:

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, trình bày sạch đẹp, có thể còn một vài sơ sót nhỏ về diễn đạt.
- Điểm 3- 4: Đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu trên, còn một vài lỗi về diễn đạt nhưng không làm sai lệch ý của người viết.
- Điểm 2-3: Đạt được một nửa các yêu cầu trên, trình bày thiếu ý hoặc đủ ý nhưng quá sơ sài, mắc khá nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp.
- Điểm 1: Viết được quá ít, hoặc lạc nhiều sang kể lại nhân vật.
- Điểm 0: Không làm được gì hoặc sai lạc hoàn toàn.

Lưu ý:

- HS có thể trình bày theo những cách khác nhưng nêu đúng và phù hợp vẫn cho điểm tối đa.
- Giám khảo chỉ cho điểm tối đa khi học sinh đạt được cả hai yêu cầu về kỹ năng và kiến thức.
- Nếu HS làm đủ các ý nhưng không có phân tích, đánh giá về nhân vật thì chỉ cho một nửa số điểm.

ĐỀ SỐ 33

Phần 1: (3 điểm)

Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.



[...]Anh hạ giọng nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Hướng chỉ việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì?"

1/ Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Cho biết tác giả? Nhân vật xưng "cháu" là ai? Nhân vật ấy đang nói với ai? (1 điểm)

2/ Tìm một từ tượng thanh, một thuật ngữ có trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

3/ Hãy chuyển lời sau thành lời dẫn gián tiếp: (0,5 điểm)

Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì?"

4/ Em hiểu như thế nào về cái "thèm người" mà nhân vật nói đến trong câu "Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác?" Hãy nêu suy nghĩ của em bằng một vài câu văn. (1 điểm)

Phần 2: (7 điểm)

1/ Viết một văn bản ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về điều mà em rút ra từ những ngẫm nghĩ của nhân vật trong đoạn trích trên. (3 điểm)

2/ Chọn một trong hai đề sau: (4 điểm)

Đề 1: Kể lại một câu chuyện ý nghĩa về tình bạn.

Đề 2: Đóng vai nhân vật một trong các tác phẩm: Ánh trăng (Nguyễn Duy), Bếp lửa (Bằng Việt), Chiếc lược ngà - (Nguyễn Quang Sáng) để kể chuyện.

Đáp án

Phần 1: (3 điểm)



1/ Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Cho biết tác giả? Nhân vật xưng "cháu" là ai? Nhân vật ấy đang nói với ai? (1 điểm)

- Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long. (0,25 điểm cho mỗi ý)
- Nhân vật xưng "cháu" là Anh thanh niên. (0,25 điểm)
- Anh thanh niên đang nói với bác họa sĩ. (0,25 điểm)

2/ Tìm một từ tượng thanh, một thuật ngữ có trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

- Tìm đúng 1 từ tượng thanh: toe toe – Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe. (0,25 điểm)
- Tìm đúng 1 thuật ngữ: óp - Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. (0,25 điểm)

3/ Hãy chuyển lời sau thành lời dẫn gián tiếp:

Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì?"

- Chuyển thành lời dẫn gián tiếp: *Cháu nói rằng bác ấy cũng rất thèm người.* (0,5 điểm)

4/ Em hiểu như thế nào về cái "thèm người" mà nhân vật nói đến trong câu "Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác?" Hãy nêu suy nghĩ của em bằng một vài câu văn. (1 điểm).

- Đúng nội dung: Mong ước có người để sẻ chia, tâm sự, học hỏi... (0, 5 điểm)
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc (0,25 điểm)
- Câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, dùng đúng từ ngữ. (0,25 điểm)

- GV căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá.

- Không trả lời hoặc trả lời không đúng (0 điểm).

Phần 2: (7 điểm)

Câu 1: (3 điểm)

- Văn bản thể hiện tốt nội dung, tính liên kết mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục (2 điểm).
- Nội dung: học sinh nêu được suy nghĩ về điều rút ra từ những ngẫm nghĩ của nhân vật: (học sinh có thể chọn một trong những ý sau: tinh thần trách nhiệm, tình yêu đối với công việc, hạnh phúc khi được làm việc, được cống hiến...)
- Hình thức:
Thể hiện tốt phương thức nghị luận (0,25 điểm).



Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, dùng đúng từ ngữ. (0,25 điểm).

Viết đúng một văn bản. (0,25 điểm)

Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. (0,25 điểm)

- GV căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá.
- Không làm bài hoặc lạc đề. (0 điểm)

Câu 2: (4 điểm)

Đề 1:

*** Về nội dung: (3 điểm)**

- Kể được câu chuyện đúng nội dung, đảm bảo hệ thống sự kiện của cốt truyện và nhân vật.
- Chọn lựa và sắp xếp các chi tiết theo một trình tự kể hợp lí.
- Biết kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại... phù hợp.

*** Về hình thức: (1 điểm)**

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, từ ngữ giàu hình ảnh, biểu cảm. (0,5 điểm)
- Ngôi kể phù hợp. (0,25 điểm)
- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. (0,25 điểm)

Đề 2:

*** Về nội dung: (3 điểm)**

- Đảm bảo hệ thống sự kiện của cốt truyện và nhân vật.
- Biết đóng vai nhân vật để kể chuyện.
- Biết sáng tạo, kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, đối thoại, độc thoại... phù hợp.

*** Về hình thức: (1 điểm)**

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc. Câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, từ ngữ giàu hình ảnh, biểu cảm (0,5 điểm).
- Ngôi kể phù hợp. (0,25 điểm)
- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. (0,25 điểm)
- GV căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá.
- Không làm bài hoặc làm lạc đề (0 điểm).



ĐỀ SỐ 34

Câu 1 (2 điểm):

- Hãy giải thích nhan đề "*Truyện kì mạn lục*".
- Tóm tắt ngắn gọn (khoảng 10 câu) cốt truyện "*Chuyện người con gái Nam Xương*".

Câu 2 (3 điểm):

Đọc câu thơ sau rồi thực hiện các yêu cầu:

[...] *Kiều càng sắc sảo, mặn mà,*

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81 – NXB Giáo dục, 2007)

- Chép theo trí nhớ 7 câu thơ tiếp của đoạn trích.
- Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- Viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu ngắn gọn nội dung đoạn thơ trên trong đó có dùng một lời dẫn trực tiếp. (Chỉ rõ lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn)

Câu 3 (5 điểm):

Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong tám câu thơ cuối của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Đáp án

Câu 1 (2 điểm):

- Hãy giải thích nhan đề "*Truyện kì mạn lục*".

Với nhan đề trung đại như này cần giải thích nghĩa từng từ một và phải theo thứ tự từ trái sang phải: (HS giải thích được mỗi từ được 0,25đ)

- lục là ghi chép
- mạn là tản mạn
- kì là kì ảo



- truyền là lưu truyền

Vậy nhan đề "Truyền kì mạn lục" là ghi chép một cách tản mạn những điều hoang đường kì ảo được lưu truyền trong dân gian. (Nếu HS giải thích gộp thì cho 0,75đ)

b) **Yêu cầu về hình thức:** HS viết thành đoạn văn tóm tắt (0,25đ)

Về nội dung: HS cần tóm tắt được các ý sau: (0,75đ)

- Vũ Thị Thiết (còn gọi là Vũ Nương) quê ở Nam Xương, là người con gái thùy mị, nét na, tư dung tốt đẹp. Chồng nàng là Trương Sinh, con nhà khá giả nhưng không có học và có tính đa nghi, hay ghen..
- Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì chàng Trương Sinh phải đầu quân đi đánh giặc. Ít ngày sau, Vũ Nương sinh con trai, đặt tên là Đản. Bà mẹ Trương Sinh vì nhớ con mà sinh bệnh, nàng hết lòng chăm sóc nhưng được ít lâu là bà mất.
- Giặc tan, Trương Sinh trở về, bé Đản không chịu gọi chàng là cha mà một mực nói cha Đản thường buổi tối mới đến. Trương Sinh nghi ngờ vợ thất tiết, Vũ Nương không minh oan được, bèn gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn .
- Một đêm, thấy bóng cha trên tường, bé Đản gọi đó là cha, lúc bấy giờ Trương Sinh mới tỉnh ngộ nhưng đã quá muộn.
- Cùng làng với Vũ Nương có người họ Phan, có lần cứu được thần rùa Linh Phi, vợ vua Nam Hải, sau bị nạn đắm thuyền được Linh Phi cứu mạng, rồi được khoản đãi. Trong bữa tiệc, Phan Lang nhận ra Vũ Nương nay đã là người thủy cung. Nghe Phan Lang kể chuyện nhà, Vũ Nương thương nhớ chồng con muốn về dương thế. Nàng nhờ Phan Lang nói với Trương Sinh lập đàn giải oan, nàng sẽ trở về. Nhưng cuối cùng, Vũ Nương chỉ hiện lên giữa dòng sông, nói vài câu với chồng rồi biến mất.

Câu 2 (3 điểm):

a) Chép theo trí nhớ chính xác 7 câu thơ tiếp của đoạn trích. (1đ). Nếu sai từ 2 – 3 lỗi chính tả, từ ngữ (trừ 0,25đ)

Sơ bệ tài sắc lại là phân hơn:

Làn thu thủy, nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.

Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

(Ngữ Văn 9, tập 1, trang 81)



b) Đoạn thơ em vừa chép trích từ văn bản: "Chị em Thúy Kiều" (0,25đ)

- Thuộc tác phẩm Truyện Kiều. (0,25đ)
- Tác giả là Nguyễn Du. (0,25đ)

c) Viết đúng hình thức đoạn văn có dùng một lời dẫn trực tiếp và chỉ rõ lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn. (0,25đ)

– Nội dung:

- Nhan sắc: Kiều có vẻ đẹp vừa sắc sảo, lộng lẫy, vừa mặn mà, duyên dáng, yêu kiều. Nàng quả là một trang tuyệt thế giai nhân làm say đắm, chinh phục lòng người. (0,5đ)
- Tài năng: Kiều không chỉ đẹp mà còn rất đa tài: Tài năng của Kiều đã đạt tới mức lí tưởng. Làm thơ, vẽ tranh, ca ngâm, âm nhạc, mọi thứ Kiều đều tỏ ra thành thạo, chuyên nghiệp. (0,5đ)

Câu 3 (5 điểm): Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong tám câu thơ cuối của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

a) Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh phải xác định được đây là kiểu bài nghị luận văn học: Phân tích cảm nhận thơ. Cho nên biết vận dụng nhiều thao tác trong khi làm bài như phân tích, đánh giá, nhận xét, trích dẫn thơ hợp lí...
- Bố cục phải rõ ràng, chặt chẽ, văn phong trôi chảy và có chất văn.

b) Yêu cầu về kiến thức:

*** Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.
- Nêu khái quát được tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

*** Thân bài**

Phân tích 8 câu thơ cuối thể hiện tâm trạng buồn đau, lo sợ, hãi hùng của Kiều

Đoạn thơ gồm 4 cặp câu lục bát. Mỗi cặp câu làm hiện lên một bức tranh cảnh vật. Mỗi bức tranh cảnh vật đồng thời là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng nàng Kiều.

– Cặp câu thứ nhất:



"Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa".

- Trước mắt người đọc là bức tranh cửa bể rộng lớn lúc hoàng hôn.
- Hình ảnh "thuyền ai" đơn độc gợi ra thân phận nàng Kiều khi xa nhà, xa quê, bơ vơ, tro trọi, lênh đênh chẳng cập được bến bờ nào.
- Cảnh vật trong câu thơ vì thế góp phần thể hiện tâm tư nàng Kiều. Đó là tâm tư buồn – nỗi buồn da diết vì quê nhà xa cách, vì đơn chiếc, lẻ loi.

– Cặp câu thứ hai:

"Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu".

- Cảnh trong hai câu thơ này là hoa trôi mặt nước. Thấy "hoa" mà không thấy đẹp. Từ "trôi" chỉ sự vận động, rời chuyển nhưng là vận động chuyển trong thế thụ động.
- Những cánh hoa rơi trôi nổi, phiêu dạt gợi ra số kiếp mỏng manh của Kiều giữa bể trời dài rộng.
- Trước dòng đời chảy trôi, mênh mông, vô định, Kiều nhìn hoa như cũng thấy hoa buồn! Từ "man mác" hoa nhưng lại gợi nỗi chán chường, thất vọng của nhân vật trữ tình – Thúy Kiều.

– Cặp câu thứ ba:

"Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh".

- Cảnh trong hai câu thơ là "nội cỏ rầu rầu". "Rầu rầu" vốn là từ láy tả tâm trạng được ND để tả màu sắc. Trải dài trong một không gian như vô tận, nối liền từ "mặt đất" tới "chân mây" là màu xanh nhợt nhạt và héo hắt. Bức tranh nội cỏ vì thế cảm thật u ám!
- Kiều thất vọng và mất phương hướng, không biết thoát ra bằng cách nào- đây vừa là tâm trạng vừa là cảnh ngộ của nàng khi đó.

– Cặp câu cuối:

"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"

- Cảnh trong hai câu thơ là cảnh giông bão, sóng gió. Âm thanh bây giờ mới xuất hiện nhưng không phải âm thanh sự sống mà là tiếng thét gào của "sóng kêu", "gió cuốn", "ầm ầm", dữ dội, chói với giữa cái bất tận, sôi sục cả ở quanh Kiều, cả trong lòng Kiều.
- Nàng Kiều như đang đứng trước tai ương dữ dội. Hiểm nguy như đang dồn đuổi, vây bủa quanh nàng chờ thời cơ là nhấn xuống.



- Còn lòng Kiều thì như lớp lớp sóng dồn – lớp sóng của buồn đau, hãi hùng, lo sợ. Tiếng "sóng kêu" còn là tiếng kêu thương đơn độc của một kiếp hoa bị vùi dập!

Đánh giá

- Có thể nói 8 câu thơ cuối là bức tranh tứ bình đầy ấn tượng, diễn tả nỗi buồn ở nhiều cung bậc trong nàng Kiều. Thành công nổi bật của ND trong đoạn là bút pháp tả cảnh ngụ tình. Cùng với bút pháp tả cảnh ngụ tình là điệp ngữ "buồn trông". Cụm từ "buồn trông" mở đầu câu thơ 6 chữ tạo âm hưởng trầm buồn. "Buồn trông" thành điệp khúc của đoạn thơ, cũng là điệp khúc của tâm trạng.

* Kết bài.

- Khái quát lại nội dung và nghệ thuật đoạn thơ

Biểu điểm:

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên; văn viết có cảm xúc, hình ảnh; dẫn chứng phong phú; phân tích sâu sắc; diễn đạt tốt, chữ viết sạch sẽ, rõ ràng.
- Điểm 3-4: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên. Bài viết có kết cấu chặt chẽ, lời văn mạch lạc, giàu cảm xúc, dẫn chứng phong phú, diễn đạt tốt, chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, có thể còn một vài lỗi nhỏ về chính tả, diễn đạt.
- Điểm 1-2: Năng lực cảm nhận còn hạn chế; phân tích còn sơ sài; còn mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, bố cục lỏng lẻo; văn viết lủng củng.
- Điểm 0: Hoàn toàn lạc đề.

(GV căn cứ vào bài làm cụ thể của học sinh để cho điểm chính xác, phù hợp)

ĐỀ SỐ 35

Câu 1 (2,5 điểm):

- a) Thế nào là nói giảm nói tránh? Tác dụng của nói giảm nói tránh?
- b) Chỉ ra từ ngữ diễn tả phép nói giảm nói tránh và cho biết ý nghĩa, tác dụng của nó trong những câu văn sau:

Ăn ở với nhau được đưa con trai lên hai thì chồng chết. Cách mấy tháng sau đưa con lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình.

(Nguyễn Khải)

**Câu 2 (1,5 điểm):**

Tóm tắt đoạn trích Lão Hạc (SGK Ngữ văn 8, tập 1) bằng một đoạn văn khoảng từ 8 đến 10 câu.

Câu 3 (1,0 điểm):

Vì sao có thể nói bức tranh vẽ chiếc lá của cụ Bơ-men trong văn bản Chiếc lá cuối cùng của O Hen-ri là một kiệt tác?

Câu 4 (5,0 điểm):

Mượn lời chị Dậu em hãy kể lại đoạn truyện cai lệ và người nhà lí trưởng đến thúc sưu, chị đã vùng dậy đánh trả bọn chúng. (Dựa vào nội dung đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trích Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

Đáp án

Câu 1:

a. HS nêu được khái niệm, tác dụng của phép nói giảm, nói tránh:

- Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển. (0,5 điểm)
- Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. (0,5 điểm)

b.

- Chỉ ra từ ngữ diễn tả phép nói giảm nói tránh: bỏ đi (0,5 điểm)
- Tác dụng:
- Tránh lặp lại từ "chết" ở câu trước. (0,75 điểm)
- Tránh cảm giác đau buồn. (0,75 điểm)

Câu 2:

Tóm tắt đoạn trích "Lão Hạc":

Cần đảm bảo các ý sau:

- Lão Hạc sống cô đơn vì con trai bỏ đi đồn điền cao su, chỉ còn có con chó Vàng bầu bạn. Vì ốm nặng, lão không nuôi nổi con Vàng nên đành bán nó đi. (0,25 điểm)
- Lão đau đớn kể lại câu chuyện bán chó cho ông giáo nghe vì cho mình đã đánh lừa một con chó. (0,25 điểm)
- Lão gửi ông giáo tiền lo ma và giữ hộ mảnh vườn cho con trai. (0,25 điểm)



- Lão sống mòn, nhưng từ chối sự giúp đỡ của ông giáo. (0,25 điểm)
- Lão xin Binh Tư bả chó để đánh con chó hay sang vườn nhà lão khiến cả ông giáo và Binh Tư đều hiểu lầm lão. (0,25 điểm)
- Nhưng cuối cùng lão đã chết vật vã đau đớn bằng bả chó. Ông giáo thậm hứa với lão sẽ trao tận tay con trai lão mảnh vườn. (0,25 điểm)

Lưu ý: HS viết thành đoạn văn tóm tắt. Nếu gạch ý thì trừ 0,5 điểm.

Câu 3:

HS nêu được các ý sau:

- Chiếc lá được vẽ trong hoàn cảnh đặc biệt: đêm tối, mưa vùi dập, gió phũ phàng. (0,25 điểm)
- Chiếc lá được vẽ rất giống thật khiến hai họa sĩ không nhận ra đó chỉ là bức vẽ. (0,25 điểm)
- Nó đã cứu sống tính mạng một con người. (0,25 điểm)
- Nhưng nó cũng đánh đổi bằng tính mạng của người tạo ra nó, kết tinh tài năng, tình yêu thương, khẳng định sức mạnh của nghệ thuật chân chính. (0,25 điểm)

Lưu ý: HS viết thành đoạn văn tóm tắt. Nếu gạch ý thì trừ 0,25 điểm. Trong ý thứ tư, thiếu ý khẳng định sức mạnh của nghệ thuật chân chính thì trừ 0,25 điểm)

Câu 4:

a) Yêu cầu về hình thức:

- Thể loại văn tự sự (kể chuyện sáng tạo)- Đối tượng kể: nội dung đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trích Tắt đèn – Ngô Tất Tố)- Bài làm có ba phần : Mở bài, thân bài, kết bài
- Biết dùng từ, đặt câu sinh động, giàu cảm xúc, đúng chính tả, ngữ pháp
- Ngôi kể: thứ nhất, xưng "tôi" (nhập vai chị Dậu)
- Kết hợp kể với tả, biểu cảm.

b) Yêu cầu về nội dung:

- Học sinh dùng lời kể của chị Dậu để kể đoạn truyện.
- HS biết nhập vai nhân vật để kể lại truyện, có thể thay đổi một vài chi tiết, tránh sao chép y nguyên trong SGK.
- HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, song cần bảo đảm các nội dung chính sau:

Mở bài: 0,5 điểm

- Chị Dậu giới thiệu về mình



- Giới thiệu hoàn cảnh xuất hiện câu chuyện (Cai lệ và người nhà lí trưởng đến đốc thuế, bắt trói anh Dậu)

(Lưu ý: học sinh có thể kể ngược, nêu kết quả trước, diễn biến câu chuyện sau, gv đánh giá cao những cách viết sáng tạo)

Thân bài: (4,0 điểm) Kể lại đầy đủ các sự việc chính:

- Giới thiệu sơ lược về hoàn cảnh gia đình chị Dậu: cùng đình trong làng, phải nộp hai suất sưu, chồng vừa chết đi sống lại.
- Cai lệ và người nhà lí trưởng sầm sập tiến vào với dụng cụ đánh bắt trói người.
- Chị Dậu van xin ba lần, nhưng người nhà lí trưởng thì mỉa mai, cai lệ thì chửi mắng, đánh chị và cứ sấn vào trói anh Dậu.
- Chị Dậu đã uất ức cự lại bằng lí rồi đấu lực, quật ngã hai tên tay sai.

Kết bài (0,5 điểm): Kết thúc, ý nghĩa câu chuyện (quy luật tức nước thì phải vỡ bờ), cảm xúc suy nghĩ của người kể.

Biểu điểm:

- Điểm 5: Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu nêu trên. Văn viết mạch lạc, có cảm xúc, thể hiện sự sáng tạo, không mắc lỗi diễn đạt, trình bày sạch đẹp
- Điểm 4: Bài viết đúng thể loại, đạt các yêu cầu trên, còn mắc vài lỗi chính tả, diễn đạt, trình bày sạch đẹp.
- Điểm 3: Đạt được quá nửa yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. Còn một số lỗi về diễn đạt.
- Điểm 1- 2: Học sinh viết đúng kiểu bài. Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu, mắc nhiều lỗi về câu, từ, chính tả.
- Điểm 0: Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp.

(Nếu HS kể lại truyện như VB trong SGK dù kể đủ các sự việc nhưng không chú ý đan xen tả, biểu cảm cũng chỉ cho tối đa một nửa số điểm. Những bài lạc sang văn nghị luận cũng cho một nửa số điểm.)

Lưu ý: Giám khảo căn cứ vào tiêu chuẩn cho điểm và bài làm cụ thể của học sinh để cho điểm phù hợp.

ĐỀ SỐ 36

I. Phần trắc nghiệm: (3 điểm) (Khoanh tròn chữ cái câu trả lời đúng nhất sau mỗi câu hỏi)

Câu 1: Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" in trong tập thơ nào của Huy Cận?



- A. Lửa thiêng
B. Đất nở hoa.
C. Trời mỗi ngày lại sáng
D. Bài ca cuộc đời

Câu 2: Kết cấu bài thơ "Ánh trăng" có gì đặc biệt?

- A. Bài thơ miêu tả hình ảnh vàng trăng từ lúc mọc cho đến lúc lặn
B. Bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian
C. Bài thơ như một vở kịch có nhiều mâu thuẫn, xung đột
D. Mỗi khổ thơ là một bức tranh thiên nhiên nên thơ, quyến rũ.

Câu 3: Người kể chuyện trong truyện "Lặng Lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long là ai?

- A. Bác lái xe
B. Ông họa sĩ
C. Anh thanh niên
D. Người kể giấu mình

Câu 4: Vì sao ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân không quay trở về Làng khi chủ nhà đánh tiếng không cho ở nữa?

- A. Vì ông yêu Làng nhưng Làng theo Tây thì ông phải thù, tình yêu nước rộng lớn hơn
B. Vì Tây đã đốt cháy nhà của ông nên gia đình ông không có chỗ để quay về.
C. Vì ông muốn tìm một cuộc sống ổn định, no đủ ở một nơi khác
D. Vì ông căm ghét bọn kỳ mục, hào lý hay áp bức dân làng ông.

Câu 5: Trong các thuật ngữ sau, thuật ngữ nào không cùng lĩnh vực với các thuật ngữ khác?

- A. Muối
B. Axít.
C. Ma sát
D. Bazo

Câu 6: Từ **ngọn** trong câu thơ nào sau đây được dùng với nghĩa gốc?

- A. Nghe **ngọn** gió phương này thổi sang phương ấy (Chính Hữu)
B. Lá bàng đang đỏ **ngọn** cây (Tố Hữu).



C. Giò cháu đã đi xa. Có **ngọn** khói trăm tàu (Bằng Việt)

D. Một **ngọn** lửa chứa niềm tin dai dẳng (Bằng Việt)

II. Phần tự luận: (7,0 điểm)

Câu 1: Về kết thúc truyện "Người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, có ý kiến cho rằng đó là kết thúc có hậu. Em có đồng ý không? Vì sao?

Câu 2. Đóng vai bé Thu trong đoạn truyện *Chiếc lược Ngà* của Nguyễn Quang Sáng, kể lại câu chuyện về cha con ông Sáu.

Đáp án

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	A	C	B

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Về kết thúc truyện "Người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ, có ý kiến cho rằng đó là kết thúc có hậu. Em có đồng ý không? Vì sao?

- Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm và kết thúc truyện. (0,5 điểm)
- Lược thuật kết thúc truyện: Vũ Nương tự vẫn nhưng được Linh Phi cứu, nàng sống ở thủy cung. Phan Lang trở về dương thế cùng với lời nhắn Vũ Nương. Trương Sinh lập đàn giải oan, Vũ Nương hiện về trong chốc lát rồi biến mất. (0,5 điểm)
- Kết thúc truyện có hậu vì Vũ Nương sau khi chết được sống dưới thủy cung với các nàng tiên. Nó thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân về lẽ công bằng, hiền gặp lành. (0,5 điểm)
- Kết thúc không có hậu: Vũ Nương không bao giờ có hạnh phúc chốn trần gian. Gia đình tan vỡ, con trai mất mẹ (Bi kịch) (0,5 điểm)

Câu 2: Đóng vai bé Thu trong đoạn truyện *Chiếc lược Ngà* của Nguyễn Quang Sáng, kể lại câu chuyện về cha con ông Sáu. (5 điểm)

Mở bài:

- Giới thiệu về tôi: Bé Thu nay đã lớn nhớ về câu chuyện với người cha của mình (hoặc HS có cách mở bài khác nhưng hợp lí) (0,5 điểm)



Thân bài:

1- Tôi kể về hoàn cảnh của mình lúc đó. (0,5 điểm)

- Khi tôi tròn một tuổi thì ba tôi lên đường chiến đấu. Tám năm ròng, tôi không gặp cha, chỉ biết qua tấm ảnh, qua những câu chuyện má kể (Hình dung trong tôi người cha đẹp, anh hùng ...)

2- Kể lại cuộc gặp mặt khi tôi lên tám tuổi. (0,5 điểm)

- Khi mới gặp, người đàn ông xúc động, vỗ vập, gọi con. Tôi không nhận ba vì người đàn ông có vết sẹo trên mặt. (miêu tả hình dáng, khuôn mặt... và nội tâm của tôi như sợ hãi, kêu thét lên...)
- Những ngày ở nhà, ông Sáu tìm mọi cách để tôi gọi ba. Tôi cự tuyệt dứt khoát (kể lần gọi ăn cơm, nấu cơm, trong bữa ăn ...) (1,0 điểm)
- Tôi bỏ sang nhà ngoại, bà kể tôi nghe về sự khốc liệt chiến tranh... Tại chiến tranh mà khuôn mặt ba tôi bị biến dạng... (nội tâm của tôi...)
- Lúc tôi nhận ba (tạm trạng ân hận, xót xa, hành động chạy xô tới, ôm chặt, hôn khắp người...) (1,0 điểm)

3. Kể lại cuộc gặp mặt Bác Ba khi tôi đã lớn. (1,0 điểm)

- Tôi gặp lại bác Ba. Ông trao cho tôi chiếc lược ngà và kể lại việc ba tôi làm chiếc lược ngà, sự hy sinh ba tôi (nội tâm của tôi: xúc động, yêu thương ba, tự trách mình...)

Kết bài: (0,5 điểm)

- Tôi đã là cô giao liên đang bước tiếp con đường của ba. Tình cảm của tôi đối với người cha thân yêu, đối với đất nước. (Kết hợp nghị luận)

ĐỀ SỐ 37

I) TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất:

"... Ông Hai đi mãi đến tối sẫm mới về. Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng:

- Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.



Lũ trẻ ở trong nhà ủa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn:

- Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang gian bên bác Thứ. Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.

- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em đi Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!

Cũng chỉ bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho mọi người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai ai cũng mừng cho ông lão..."

1) Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào?

A. Lặng lẽ Sa Pa

B. Làng

C. Chiếc lược ngà

D. Chuyện người con gái Nam Xương

2) Câu nào thể hiện rõ nhất nội dung đoạn văn?

A. Ông Hai chia quà cho các con.

B. Ông Hai khoe với bác Thứ chuyện nhà mình bị đốt.

C. Ông Hai khoe với ông chủ nhà chuyện nhà mình bị đốt.

D. Ông Hai vui sướng chia quà cho con và khoe với mọi người tin làng mình không phải Việt gian.

3) Từ nào là từ Hán Việt trong các từ dưới đây?

A. Cải chính



B. Rạng rỡ

C. Lật đật

D. Bôm bẻm

4) Từ nào là từ tượng thanh trong các từ sau đây?

A. Rạng rỡ

B. Bô bô

C. Bôm bẻm

D. Hung hung

5) Câu nói của ông Hai "*Toàn là sai sự mục đích cả!*" đã vi phạm phương châm hội thoại nào?

A. Phương châm về lượng

B. Phương châm về chất

C. Phương châm về quan hệ

D. Phương châm về cách thức

6) Ai là người kể chuyện trong đoạn văn này?

A. Ông Hai

B. Bác Thứ

C. Ông chủ tịch

D. Tác giả (Người kể không xuất hiện)

II) TẬP LÀM VĂN (7 ĐIỂM)

Em hãy kể lại một lần về thăm quê.

Đáp án

I. TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

1) B	2) D	3) A	4) B	5) D	6) D
------	------	------	------	------	------



I) TẬP LÀM VĂN (7 ĐIỂM)

A) Yêu cầu chung:

- Kiểu bài: Văn tự sự (Kể lại chuyện về thăm quê)
- Có vận dụng yếu tố miêu tả.
- Bài văn có cảm xúc suy nghĩ chân thành.
- Bố cục đầy đủ 3 phần.

B) Yêu cầu cụ thể:

1) Mở bài (1,5 điểm)

Giới thiệu khái quát chuyện về thăm quê: Thời gian, địa điểm nhân vật...

2) Thân bài (4 điểm)

a) Những công việc chuẩn bị trước khi đi.

b) Thời gian xuất phát. Những cảnh vật, những câu chuyện bắt gặp trên đường đi.

c) Những con người, những cảnh vật, những câu chuyện ở quê...

- Cảnh vật ở quê thế nào, cảm xúc của bản thân trước cảnh vật quê hương.
- Người đầu tiên gặp là ai? Những cuộc tiếp đón trò chuyện thăm hỏi... diễn ra như thế nào?

3) Kết bài (1,5 điểm)

- Chia tay, trở về, những hình ảnh chi tiết ấn tượng nhất của em trong chuyến đi.
- Cảm xúc của em về chuyến đi.

BIỂU ĐIỂM

Điểm 6 - 7: Bài làm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên. Lời văn sáng sủa, sinh động không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

Điểm 4 - 5: Bài làm cơ bản đạt các yêu cầu trên, nhất là yêu cầu về nội dung. Có thể có vài sai sót nhỏ nhưng không đáng kể. Diễn đạt lưu loát, sai không quá 3 lỗi diễn đạt.

Điểm 2- 3: Bài làm đạt $\frac{1}{2}$ các yêu cầu trên. Về nội dung, có thể sai sót nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu về nhân vật và cốt truyện trong một bài văn tự sự. Diễn đạt chưa tốt, nhưng sai không quá 6 lỗi thông thường.



Điểm 1: Bài làm chưa đạt các yêu cầu trên. Nội dung sơ sài, lạc đề, diễn đạt kém.

ĐỀ SỐ 38

Câu 1. (2 điểm) Đọc đoạn thơ rồi thực hiện các yêu cầu:

*Kiều càng sắc sảo, mặn mà,
So bề tài, sắc, lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.*

(Ngữ văn 9, tập 1, trang 81 – NXB Giáo dục, 2007)

- Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- Xác định thể thơ.
- Chép lại câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa.
- Tìm một thành ngữ có trong đoạn thơ.

Câu 2 (3 điểm)

Trong Truyện Kiều có hai câu thơ:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Hai câu thơ trên gợi cho em nhớ đến hai câu thơ nào trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân" (Ngữ Văn 9 – Tập I)? Nêu nội dung chính của hai câu thơ vừa chép? Qua đó em có nhận xét gì về ngòi bút tả cảnh của Nguyễn Du?

Câu 3 (3 điểm)

Thương cảm cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, Nguyễn Du đã từng viết:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*

- Em hiểu như thế nào về ý thơ trên?



b. Từ cuộc đời của Vũ Nương - nhân vật trong "*Chuyện người con gái Nam Xương*" của Nguyễn Dữ, Thúy Kiều - nhân vật trong "*Truyện Kiều*" của Nguyễn Du, em cảm nhận được điều gì về số phận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa và nay?

Câu 4 (2 điểm):

Miêu tả vẻ đẹp của nàng Kiều, Nguyễn Du viết:

... "*Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh...*"

(SGK Ngữ văn 9- tập 1)

Khi chép lại hai câu thơ này để phân tích, một bạn học sinh đã chép nhầm từ "hờn" trong câu thơ thứ hai thành từ "buồn". Em hãy giải thích ngắn gọn cho bạn hiểu rằng việc chép sai như vậy đã làm ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu thơ?

Đáp án

Câu 1. (2 điểm)

- Đoạn thơ trên trích từ văn bản *Chị em Thúy Kiều*. Thuộc tác phẩm *Truyện Kiều*. Tác giả là Nguyễn Du (0,75 đ)
- Xác định thể thơ: Lục bát (0,25 đ)
- Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa: Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. (0,5 đ)
- Một thành ngữ có trong đoạn thơ: nghiêng nước nghiêng thành, (0,5 đ)

Câu 2 (3 điểm)

Chép đúng hai câu thơ: (0,5 đ)

*Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*

- Hai câu thơ trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* cũng là cây cầu, dòng nước nhưng tất cả hình ảnh đều mang dáng dấp nho nhỏ, phẳng phất nổi buồn của lòng người. (1,5 đ)
- Nhận xét về nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du: Cảnh vật hiện lên mang đầy tâm trạng. (Cảnh được nhìn qua tâm trạng của nhân vật). Đó là tài năng trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du (1 đ)



Câu 3 (3 điểm)

a. Giải thích ý thơ: (1 đ)

- Niềm thương cảm của Nguyễn Du dành cho những người phụ nữ. "Phận" là thân phận, "mệnh" là số phận do trời định. "Lời bạc mệnh" là "lời chung" dành cho những người phụ nữ => Đó là kiếp "đàn bà" đều phải chịu đắng cay, khổ cực.

b. Trình bày suy nghĩ về số phận người phụ nữ xưa và nay:

- Suy nghĩ về người phụ nữ trong xã hội xưa (1 đ)

Thân phận: thân phận của những con người chịu nhiều bất công, oan ức và bị chà đạp về nhân phẩm.

Số phận Vũ Nương, Thúy Kiều hội đủ những bi kịch của người phụ nữ, là "tấm gương oan khổ";

- Suy nghĩ về người phụ nữ trong xã hội ngày nay (1 đ)

Ngày nay trong xã hội mới, xã hội hiện đại khi nam nữ đã bình quyền, phụ nữ đã được tôn trọng, đánh giá ngang với đàn ông. Pháp luật đã bảo vệ họ

Người phụ nữ ngày nay vẫn kế thừa và phát huy được truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam: vẫn coi trọng tứ đức, tam tòng nhưng không chỉ dừng lại ở đó. Tứ đức cùng với đạo tam tòng không phải là tư tưởng chính thống quyết định số phận họ. Ngày nay phụ nữ có quyền bình đẳng như nam giới: tự mình quyết định hạnh phúc, tương lai, cuộc đời mình.

Thực tế xã hội ngày nay bạo lực gia đình không hẳn đã chấm hết, người phụ nữ chưa hẳn đã được bình đẳng tuyệt đối như nam giới vốn do thiên bẩm là thế nhưng họ đã thực sự có một cuộc đời mới, số mệnh mới...

Câu 4 (2 điểm):

- Giải thích: (0,5 đ)

Từ "buồn" chỉ trạng thái của con người luôn lo nghĩ, âu sầu không vui.

Từ "hòn" chỉ thái độ giận dữ ghen ghét, đố kỵ

- Khẳng định: (1,5 đ)

Việc chép nhầm như vậy đã làm thay đổi ý nghĩa của câu thơ, không thể hiện được thái độ bất bình, đố kỵ của thiên nhiên trước dung nhan tươi thắm đầy sức sống của nàng Kiều, do đó cũng không dự báo được số phận éo le đau khổ của nàng.

Việc chép nhầm từ làm giảm ý nghĩa của câu thơ: Không thể hiện được vẻ đẹp hoàn mỹ của nàng Kiều, vẻ đẹp vượt trội hơn hẳn so với thiên nhiên, ngoài ra còn làm ảnh hưởng đến tính cân đối của hai vế trong câu thơ (ghen phải đi với hòn)

Qua đó càng khẳng định nghệ thuật sử dụng từ ngữ bậc thầy của Nguyễn Du.

Lưu ý: Đây chỉ là gợi ý đáp án. Người chấm cần vận dụng linh hoạt để phát hiện sự mới mẻ, năng lực sáng tạo, năng khiếu văn chương của học sinh... và cho điểm sát đối tượng, chính xác,

đánh giá chất lượng thực. Khuyến khích những bài viết có những cảm nhận riêng, giàu sức thuyết phục.

ĐỀ SỐ 39

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM

KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020
Môn: Ngữ văn - Lớp 9
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Đọc hiểu (5.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đỡ đàn bà dựng lại túp lều tranh

Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:

"Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ,

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!"

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng..

(Bếp lửa, Bằng Việt, Ngữ văn 9, tập một, Tr144, NXB Giáo dục - 2015)

Câu 1(1.0 điểm): Chỉ ra và gọi tên hai biện pháp tu từ được sử dụng trong ba câu cuối của đoạn thơ.

Câu 2 (1.0 điểm): Từ “nhà” trong câu thơ “Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Trong trường hợp, từ “nhà” có nghĩa là gì?

Câu 3 (1.0 điểm): Trong đoạn thơ, lời dặn dò của người bà với người cháu đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào? Vì sao?

Câu 4 (1.0 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 5 (1.0 điểm):



Hiện nay, con người đang sống trong “thế giới mạng” nên việc thông tin liên lạc với nhau rất dễ dàng. Vậy, theo em, có nên viết thư tay cho người thân nữa hay không? Vì sao?

II. Làm văn (5.0 điểm)

Tuổi học trò có biết bao kỉ niệm về mái trường, thầy cô, bạn bè,...Em hãy kể lại một kỉ niệm đẹp, có ý nghĩa sâu sắc về tình bạn.



ĐỀ SỐ 40

Đề thi Học kì 1 Ngữ Văn lớp 9

Thời gian làm bài: 90 phút

Phần I. (7 điểm)

Trong một đoạn trích sách Ngữ Văn 9 (Tập 1) có viết:

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh ”

Câu 1: Chép chính xác tám câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ?

Câu 2: Cho biết đoạn thơ em vừa chép trích trong văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Của ai? Vị trí của văn bản đó trong tác phẩm?

Câu 3: Theo em, có thể thay thế từ “hờn” trong câu thơ thứ hai thành từ “buồn” được không? Vì sao?

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 12-15 câu theo cách tổng phân hợp để làm nổi bật vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nhân vật trong đoạn thơ trên (trong đó có dùng một câu ghép, phép thế và gạch chân).

Phần II. (1,5 điểm)

“ Hoàng Lê nhất thống chí ” là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán có quy mô lớn nhất và đạt những thành công xuất sắc về nghệ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu thuyết của văn học Việt Nam thời trung đại.

Câu 1: Hãy giải thích nhan đề tác phẩm.

Câu 2: Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo dựng hình ảnh nhân vật chính Quang Trung - Nguyễn Huệ?

Phần III. (1,5 điểm)



Bác Hồ không chỉ là một con người vĩ đại trong cuộc sống mà còn là một hình tượng tuyệt đẹp trong tác phẩm văn học. Trong chương trình Ngữ Văn 9 có một văn bản nhật dụng viết rất hay về vẻ đẹp phong cách của người.

Câu 1: Hãy cho biết đó là văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi trình bày những bài học về phong cách tư tưởng đạo đức mà em học được từ Người qua tác phẩm đó.

Đáp án và Thang điểm

Phần I. (7 điểm)

Câu 1: Chép thuộc thơ (1 điểm)

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một tài đành họa hai

Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Cung thương lầu bạc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương.

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.

Câu 2: Đoạn thơ vừa chép nằm trong văn bản Chị em Thúy Kiều, thuộc tác phẩm Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du

Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Tác giả tập trung tả tài sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. (0,5 điểm)



Câu 3: Không thể thay thế từ “hòn” thành từ “buồn” bởi ghen- hòn đi liền với nhau.

Từ “buồn” chỉ sự âu sầu, không vui

Từ “hòn” thể hiện thái độ ghen ghét, đố kỵ

Ở đây, vẻ đẹp của Kiều khiến cho tạo hóa, tự nhiên phải ghen ghét, đố kỵ dự báo trước cuộc đời sóng gió *(0,5 điểm)*

Câu 4: Phân tích vẻ đẹp của Kiều (5 điểm)

- Mở đoạn: Giới thiệu nhân vật Thúy Kiều, được xây dựng bằng bút pháp ước lệ tượng trưng với vẻ đẹp có một không hai *(1 điểm)*

- Vẻ đẹp và tài năng của Thúy Kiều được tả khái quát. Tác giả tả vẻ đẹp của Vân làm đòn bẩy khéo léo miêu tả vẻ đẹp của Kiều nổi bật hơn cả *(0,5 điểm)*

- Đặc tả đôi mắt của Kiều, gợi lên khí chất, nét đẹp “nghiêng nước nghiêng thành”. Tài năng của Kiều được miêu tả lên tới đỉnh điểm của sự sắc sảo, tài năng (tài đàn hát, cầm kì thi họa...) *(0,5 điểm)*

- Vẻ đẹp của Kiều khiến cho tạo hóa ghen tị, hòn dỗi điều này dự báo trước số phận lận đận của Kiều *(0,5 điểm)*

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều *(0,5 điểm)*

→ Vẻ đẹp của Kiều được lý tưởng hóa “mười phân vẹn mười” xưa nay hiếm gặp, điều đó khẳng định được tài năng của Nguyễn Du khi tạo nhân vật *(1 điểm)*

- Đoạn văn sử dụng câu ghép, phép thế *(1 điểm)*

Phần II. (1,5 điểm)

Câu 1: Nhan đề Hoàng Lê nhất thống chí *(0,5 điểm)*

- Chí là thể loại ghi chép lại sự vật, sự việc

- Nhan đề được viết bằng chữ Hán ghi chép quá trình thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Tác phẩm



còn tái hiện được giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỉ XVIII, mấy năm đầu thế kỉ XIX. Tiểu thuyết có 17 hồi.

Câu 2: Nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo dựng hình ảnh nhân vật chính Nguyễn Huệ *(1 điểm)*

Các tác giả Ngô gia văn phái vốn trung thành với nhà Lê nhưng vẫn viết về vua Quang Trung đầy tinh thần ngợi ca, họ đứng trên tinh thần dân tộc phản ánh. Nhờ điều đó, càng tạo ra cho tác phẩm sức thuyết phục, tính chân thực, chứng tỏ tinh thần tôn trọng sự thật lịch sử

Đây là đặc điểm đặc sắc của thể loại truyền thuyết lịch sử.

Phần III. (1,5 điểm)

Câu 1: Văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà báo Lê Anh Trà *(0,5 điểm)*

Câu 2: Bài học từ phong cách đạo đức của Hồ Chí Minh:

- Nói được Hồ Chí Minh: tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và nét đẹp trong lối sống giản dị, thanh cao của Người
- Học hỏi sự giản dị trong: lối sinh hoạt (ăn, ở, mặc...), tác phong làm việc
- Sự thanh cao trong nhân cách: thường xuyên học tập, nuôi dưỡng tâm hồn
- Người có đức tính khiêm tốn, chân thành, cởi mở... Bác hi sinh tất cả, quên mình lo cho dân cho nước

→ Tô lòng yêu mến, biết ơn Bác Hồ, phấn đấu rèn luyện theo gương Bác

Mời các bạn xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9>